

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: **TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**
- Mã số: 7320104
- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
- Trình độ đào tạo: Đại học

Phần 1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu một vài nét về cơ sở đào tạo:

1.1.1. Quá trình xây dựng và phát triển:

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (*tên tiếng Anh là Dong Nai Technology University*) thành lập theo Quyết định số 929/QĐ- TTg ngày 16/6/2011 của Thủ tướng Chính Phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Đồng Nai (*thành lập ngày 3/10/2005*) có trụ sở tại Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng dựa trên nền tảng công nghệ và trải nghiệm; nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao tri thức đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trở thành Trường Đại học nghiên cứu ứng dụng có uy tín ở trong nước và khu vực, với môi trường giáo dục hiện đại tất cả vì người học và phục vụ cộng đồng.

Giá trị cốt lõi: Trung thành - Trách nhiệm - Sáng tạo.

Qua hơn 18 năm thành lập và phát triển, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai lớn mạnh, cơ sở vật chất hiện đại cùng những tiện ích học tập tiêu chuẩn quốc tế, gồm các công trình là giảng đường, phòng học lý thuyết; khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin - Thư viện; khu Ký túc xá, ... Với các trang thiết bị được đầu tư, lắp đặt phục vụ tốt cho

công tác đào tạo, giảng dạy và học tập của Nhà trường. Cơ sở vật chất cùng trang thiết bị hiện đại tạo thành điểm nhấn, lan tỏa tích cực trong cộng đồng sinh viên.

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đào tạo bậc đại học, Cao học và Tiến sĩ hệ chính quy tập trung. Tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2023, Trường có 5.981 sinh viên đang theo học tại 09 khoa, 16 ngành đại học và 69 học viên sau đại học. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là một trường đại học đa ngành, 16 ngành đại học được tổ chức thành 04 nhóm ngành (*Công nghệ - Kỹ thuật, Khoa học sức khỏe; Kinh doanh quản lý và Nhân văn*); 02 ngành thạc sĩ và 01 ngành tiến sĩ. Tính đến hết năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã có 09 khoá tốt nghiệp bậc đại học. Đội ngũ cán bộ - giảng viên cơ hữu ngày một lớn mạnh, cùng với đội ngũ giảng viên thỉnh giảng uy tín, đảm bảo chất lượng hoạt động điều hành và đào tạo của Nhà trường. Tính đến hết năm học 2022 - 2023, Nhà Trường có 01 Giáo sư, 16 Phó Giáo sư, 65 Tiến sĩ và 226 Thạc sĩ, trong đó nhiều giảng viên, nghiên cứu viên được đào tạo bài bản, dài hạn ở các nước phát triển. Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2035, Nhà trường tự tin đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế. Kết quả khảo sát gần nhất cho thấy 95% sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, trong đó có 87% số lượng sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành (*đợt khảo sát tháng 11/2022*). Những con số trên phản ánh trung thực năng lực đào tạo của Nhà trường trong việc đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Về kiểm định chất lượng: Trải qua 12 năm hình thành và phát triển ở môi trường đại học, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã khẳng định được thương hiệu của mình trên bản đồ giáo dục Việt Nam. Tháng 6/2018, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai được công nhận đạt “tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Quốc gia” ở lần kiểm định cơ sở giáo dục đầu tiên; tháng 8/2023, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục lần 2. Trường có 11 chương trình được công nhận đạt kiểm định chất lượng quốc gia vào năm 2019, 2020, 2021 (*ngành Công nghệ thực phẩm; ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; ngành Công nghệ thông tin; ngành Kế toán; ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lễ hành; ngành Công nghệ chế tạo máy; ngành Ngôn ngữ Anh; ngành Tài chính – Ngân hàng; ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; ngành Quản trị kinh doanh; ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ*).

Về hợp tác quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường hướng đến mục tiêu phát triển Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai trở thành trường đại học nghiên cứu, có uy tín

quốc tế và phát triển bền vững. Trường duy trì hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn (*chương trình thực tập, chương trình trao đổi văn hoá, chương trình nghiên cứu ngắn hạn, ...*) và những chương trình khoa học công nghệ có sự tham gia của các nhà khoa học danh tiếng trên thế giới. Chương trình hợp tác quốc tế được xây dựng trên tinh thần tạo ra giá trị cốt lõi trong đào tạo, cung cấp cho người học những trải nghiệm có giá trị, tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội cho sinh viên trở thành những “công dân toàn cầu”, sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, xác lập được vị trí trên thị trường lao động quốc tế. Một số hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật của Nhà trường như: chương trình đưa sinh viên đi trao đổi tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản; chương trình tiếp đón sinh viên quốc tế và trao đổi văn hoá.

Về cơ sở vật chất: Cơ sở của Trường đặt tại địa chỉ Đường Nguyễn Khuyên, Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với diện tích xây dựng hiện hữu là 34.024m², gồm các công trình là giảng đường, phòng học lý thuyết; khu thí nghiệm, thực hành; Trung tâm Thông tin - Thư viện; khu Ký túc xá; Khu Thể thao; Khu hiệu bộ hành chính và các công trình phụ trợ khác như khu căn tin, bãi giữ xe, ... Môi trường học tập khang trang, hiện đại với môi trường sinh thái xanh, tuyệt đẹp là niềm tự hào của sinh viên Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

- *Ký túc xá*: Ký túc xá của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8/2009 (*giai đoạn còn là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Đồng Nai*), nằm trong khuôn viên Nhà trường, thuận tiện việc học tập, sinh hoạt vui chơi thể thao. Có 05 tầng (Trệt, 2, 3, 4, 5) 80 phòng và 560 chỗ ở với tổng diện tích sàn: 5.181m². Tầng trệt là canteen, gần nhà để xe, Trung tâm thể thao, cách Trung tâm Thư viện 50m. Ký túc xá đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và học tập của sinh viên: phủ sóng mạng wifi, canteen, các khu vực cung cấp nước nóng miễn phí, nhà để xe. Ký túc xá ưu tiên cho sinh viên các tỉnh về học tập, đặc biệt là sinh viên năm nhất. Sinh viên có thể đăng ký chỗ ở ký túc xá ngay trong ngày làm thủ tục nhập học đầu khóa.

- *Hội trường, phòng học, thư viện*: Hội trường của Trường có sức chứa 600 chỗ và các phòng học lớn trên 200 chỗ (01 phòng), phòng học từ 50 - 100 chỗ (40 phòng), phòng học dưới 50 chỗ (10 phòng), phòng học đa phương tiện (01 phòng) và Trung tâm Thông tin - Thư viện.

- *Phòng thực hành và thí nghiệm*: Ngoài các cơ sở vật chất đã nêu trên, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai còn có 40 phòng thí nghiệm, phòng thực hành, chuyên dụng sau:

+ Phòng mô phỏng nghiệp vụ dành cho sinh viên Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh (*Phòng thực hành Nhà hàng khách sạn và Phòng kinh doanh*).

+ Phòng cabin sử dụng thi tiếng Anh và 15 phòng học tiếng Anh chuyên dụng cho ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành khác.

+ Phòng thí nghiệm của ngành Môi trường và Công nghệ Sinh học (05 phòng) với rất nhiều thiết bị như: Bếp hồng ngoại, bộ lọc chân không, cân phân tích, cân kỹ thuật, dụng cụ đếm vi sinh, hệ thống chung cất mẫu, máy BOD, máy bơm định lượng, máy DO, máy đo độ dẫn điện, máy đo độ ồn, máy đo nhiệt độ, độ ẩm không khí, máy khuấy từ gia nhiệt, máy đo pH, máy quang phổ, máy so màu, máy chung cất nước, máy đo vi khí hậu, máy lọc CO₂, thiết bị đốt nóng mẫu, tủ sấy, tủ ẩm, máy vortex, máy ly tâm, máy đo tiếng ồn, máy rửa siêu âm, tủ hút khí độc, tủ cấy vi sinh, dụng cụ đếm vi sinh, hệ thống chung cất mẫu, máy khuấy, máy điện di, máy chạy PCR, máy lắc, kính hiển vi, máy đo OD, máy sấy thăng hoa, tủ sấy, tủ ủ, máy phá đập, máy đo UV-Vis, ...

+ Phòng thí nghiệm Khối ngành sức khỏe: Ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (04 phòng): gồm các loại thiết bị, dụng cụ phục vụ chăm sóc, điều trị, phục hồi chức năng cho người bệnh, mô hình, đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu và phân tích mẫu phục vụ xét nghiệm y học.

+ Xưởng thực hành cơ khí - ô tô (khu thực hành nhà F): 06 phòng.

+ Phòng thực tế ảo Innovation Lab (khu thực hành nhà F): 02 phòng.

+ Phòng Lab tin học: 03 phòng.

+ Phòng thực hành studio: 01 phòng.

- *Trung tâm Thông tin - Thư viện*: được thiết kế một tòa nhà 2 tầng, Nhà C có diện tích sử dụng 3.123m² bao gồm:

+ Kho sách tiếng Việt và kho sách Ngoại văn, khu vực đọc chuyên sâu của các chuyên ngành đào tạo (*kho tài liệu môn học*), kho luận văn/luận án/khoá luận tốt nghiệp, khu vực học tập trung với 500 chỗ ngồi riêng biệt theo mô hình không gian mở, khu vực nghiên cứu với hệ thống máy tính tra cứu tài liệu, truy cập cơ sở dữ liệu, khu vực đọc báo - tạp chí, 03 phòng hội thảo, 03 phòng học nhóm, 16 máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu và sử dụng tài liệu điện tử, 38 máy lạnh công suất lớn, ... nhằm cung cấp không gian, dịch vụ và

nguồn tài liệu học thuật phong phú phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

+ *Về nguồn tài liệu*: hiện nay thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, bao gồm: Giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng Việt (3.949 đầu sách tương đương 9.861 bản), giáo trình, sách tham khảo, sách nước ngoài (1.941 đầu sách tương đương 6.348 bản).

+ *Cơ sở dữ liệu trực tuyến (sachweb.com)*: với hơn 2.400 ebook bao gồm các loại tài liệu đọc trực tuyến như: Giáo trình kinh tế, văn hóa xã hội, ... cùng với gần 20 nguồn tài nguyên truy cập mở thu thập từ các nguồn trong nước và trên thế giới.

+ *Hợp tác liên thư viện*: Thư viện Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tăng cường hợp tác chia sẻ tài liệu với các cơ sở giáo dục và trung tâm thông tin - thư viện như hợp tác với Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội, Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ, Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Đông Á, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, ... Ngoài ra Thư viện cũng là thành viên của Trung tâm Tri thức số: Kết nối thư viện số dùng chung - Đổi mới sáng tạo là “Trung tâm tri thức số” đầu tiên của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cung cấp tri thức số cho Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ. Tích hợp tri thức số khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế, tối ưu hóa hệ tri thức số quốc gia.

+ *Phần mềm quản lý*: Với việc ứng dụng công nghệ thông tin, hiện Thư viện đang sử dụng các phần mềm Quản lý Thư viện tích hợp phần mềm CDS giúp quản lý bổ sung, biên mục, lưu thông, quản lý tài liệu điện tử, phân hệ quản lý tài nguyên môn học, báo tạp chí chuyên ngành và mục lục tra cứu công cộng trực tuyến thông qua cổng thông tin Thư viện số <https://lib.dntu.edu.vn>.

1.1.2. Cơ cấu tổ chức, quy mô đào tạo:

Về cơ cấu tổ chức: gồm 09 khoa đào tạo chuyên ngành gồm (Khoa Kinh tế - Quản trị; Khoa Kế toán - Tài chính, Khoa Công nghệ, Khoa Kỹ thuật, Khoa Khoa học sức khỏe, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Truyền thông và Thiết kế và Khoa Khoa học cơ bản), 09 phòng chức năng (Phòng Đại học, Phòng Sau đại học, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác sinh viên và Phòng Quản trị thiết bị), 02 Trung tâm (Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung

tâm Hợp tác doanh nghiệp và Cựu người học) và 01 Viện Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học công nghệ.

Về quy mô đào tạo: Hiện nay Nhà trường tổ chức đào tạo 17 ngành trình độ đại học, 2 ngành thạc sĩ và 1 ngành trình độ tiến sĩ. Quy mô sinh viên trên 8.000 sinh viên trong đó có 60 học viên cao học. Hàng năm, DNTU đào tạo thường xuyên khoảng 6.000 sinh viên. Mỗi năm có hơn 1.000 sinh viên tốt nghiệp ra trường, trong đó trên 95% có việc làm.

1.1.3. Cơ sở vật chất:

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai được xây dựng trên khu đất với tổng diện tích 8.016 ha. a) Nhà trường hiện đang sử dụng 120 phòng học lý thuyết với diện tích 7.630m², 50 phòng thực hành và thí nghiệm với diện tích 3.840m². Có đủ trang thiết bị hiện đại cho sinh viên thực hành, thực tập thí nghiệm. b) Tổng cộng DNTU có: 710 máy tính trong đó: 420 máy tính phục vụ đào tạo, 190 máy tính phục vụ trung tâm Thông tin - Thư viện điện tử cho sinh viên dùng miễn phí và hơn 80 máy tính phục vụ công tác quản lý DNTU. c) Thư viện có tổng diện tích: 3.335m², trong đó diện tích phòng đọc: 2.260m²; Số chỗ ngồi: 1.200; Toàn bộ các hoạt động của thư viện được quản lý bằng hệ thống phần mềm: Phần mềm Libol quản lý thư viện; Phần mềm nhận dạng vân tay quản lý vào ra thư viện; Phần mềm CMS Server quản lý hệ thống máy tính cho sinh viên tra cứu tài liệu thư viện. Thư viện điện tử và cơ sở dữ liệu mua quyền truy cập có 18.019.259 tài liệu, được kết nối với các thư viện trong và ngoài nước. Thư viện có gần 21.000 bản sách in bao gồm sách tiếng Việt và tiếng Anh các ngành đáp ứng được nhu cầu đào tạo từ đại học, cao học và nghiên cứu sinh. DNTU đã tin học hóa toàn bộ nhằm giúp cho việc kết nối giữa người học và giảng viên thuận lợi hơn, cũng như việc tìm kiếm thông tin, thư viện điện tử trở nên dễ dàng hơn cho sinh viên. Nội thất các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng làm việc đều hiện đại, sạch đẹp; hệ thống cây xanh, các tiểu cảnh góp phần tạo cảnh quan môi trường sư phạm khang trang. DNTU luôn chú trọng nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ sinh viên bằng các hoạt động như thay đổi cách làm việc nhanh và hiệu quả, chăm lo hỗ trợ sinh viên, tư vấn và giới thiệu việc làm, dịch vụ vay vốn ngân hàng cho những sinh viên có nhu cầu và có hoàn cảnh khó khăn, ... d) Khu văn phòng làm việc và các phòng chức năng với diện tích 2.880m² đủ đảm bảo làm việc cho các phòng, khoa, phòng cho giảng viên nghiên cứu, phòng họp được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc. e) Nhà ăn sinh viên được xây dựng hiện đại, rộng rãi, thái độ phục vụ ân cần. Sinh viên có thể tự

chọn món ăn cho vừa với sở thích và túi tiền theo phong cách tự phục vụ 7 Số tay sinh viên khóa học 2021-2025 nhằm hội nhập với lối sống hiện đại. f) Trung tâm thể dục thể thao ngoài trời với diện tích 9.546 m², phục vụ cho các môn thi đấu theo tiêu chuẩn: tennis, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, aerobic, dancesport, võ thuật, bơi lội, fitness, thể dục tay không. g) Ký túc xá có diện tích 5.181m² với sức chứa 800 sinh viên, là khu ở khép kín hiện đại, đầy đủ tiện nghi. h) Các công trình phụ, nhà để xe cho giảng viên, nhân viên và sinh viên, nhà bảo vệ, nhà kỹ thuật, các trạm điện, nước, kho bãi, căn tin, ... với diện tích 1.115 m². i) Toàn trường đã được nối mạng và xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh. Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành trường sử dụng mạng nội bộ hay internet với đường truyền cáp quang tốc độ cao nhằm đảm bảo việc truy cập, truyền dữ liệu nhanh chóng tiện lợi cho việc giảng dạy và học tập (toàn bộ khu vực trong trường được phủ sóng wifi miễn phí và được mở 24/24).

1.2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành:

Sau gần 20 năm đào tạo các bậc đào tạo từ cao đẳng, đại học các ngành trong khối công nghệ và kỹ thuật, Nhà trường định hướng phát triển thêm các ngành đào tạo khối truyền thông. Sau khi kiện toàn bộ máy tổ chức Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học, Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã ban hành Nghị quyết số 206/NQ-ĐHCNĐN-HĐT ngày 03/9/2021 về ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035. Trong đó, khẳng định phát triển đa ngành nghề trong đó chú trọng các ngành nghề truyền thông và thiết kế số nhằm mở rộng quy mô đào tạo, đồng thời đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Như vậy, việc xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo Truyền thông đa phương tiện của Nhà trường đã được cân nhắc kỹ lưỡng và có nghị quyết rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Điều 7, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Quyết nghị của Hội đồng quản trị về việc mở ngành đào tạo Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học như đã trình bày ở trên, Nhà trường đã xây dựng và phê duyệt bản Kế hoạch xây dựng đề án mở ngành đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện (mã

ngành 7320104) để tiến hành các bước xây dựng đề án mở ngành đào tạo theo các quy định hiện hành.

Ngành Truyền thông đa phương tiện là một ngành đào tạo thuộc khối báo chí và truyền thông. Ngành học tập trung định hướng việc sản xuất, sáng tạo sản phẩm truyền thông đa phương tiện, trong đó chú trọng truyền thông số. Ngành học tập trung định hướng khả năng sáng tạo, tạo dựng các dự án truyền thông và tổ chức sự kiện dựa trên nền tảng về công nghệ số. Sinh viên tốt nghiệp từ ngành này có thể sáng tạo nên hệ thống thương hiệu, hình ảnh kỹ thuật số, âm thanh số, video kỹ thuật số, mạng xã hội, và quảng cáo TVC, thiết kế và sáng tạo các ấn phẩm truyền thông trên nền tảng các phần mềm có tính liên ngành thiết kế, nghệ thuật và truyền thông. Ngành học đào tạo nên những chuyên gia: Giám đốc quảng cáo; Giám đốc sáng tạo; Nhà quản lý sự kiện; Giám đốc tài khoản truyền thông; Giám đốc truyền thông; Người quản lý quảng cáo trên mạng xã hội; Trợ lý quảng cáo; Điều phối viên quảng cáo; Chuyên gia quảng cáo; Điều phối viên tài khoản đại lý; Giám đốc thương hiệu; Điều phối viên Truyền thông; Công cụ lập kế hoạch truyền thông tương tác; Điều phối viên Truyền thông; Người lập kế hoạch truyền thông; Nhà phân tích nghiên cứu truyền thông; Chuyên gia truyền thông; Điều phối viên Quảng cáo trực tuyến; Quản lý giao thông; Nhà tư vấn phân tích trang website.

1.2.1. Sự phù hợp về nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo đảm bảo hội nhập quốc tế:

Trước sự bùng phát công nghệ và truyền thông số, trong đó truyền thông đa nền tảng ngày càng chiếm ưu thế. Việc phát triển hệ thống nhận diện công ty, doanh nghiệp và cá nhân ngày một phát triển. Đòi hỏi nguồn nhân lực có chuyên môn về nghệ thuật và truyền thông một cách bài bản để đảm đương những vị trí trong quá trình sản xuất, sáng tạo sản phẩm truyền thông.

Trước nhu cầu của thực tế, nhiều công ty nước ngoài về lĩnh vực truyền thông và giải trí đầu tư và phát triển tại Việt Nam và nhu cầu nguồn nhân lực cho các vị trí sáng tạo và sản xuất ngày một cấp thiết. Chính vì vậy, ngành Truyền thông đa Phương tiện như một xu hướng phát triển hiện nay của nhiều thế hệ trẻ lựa chọn và theo học.

1.2.1.1. Sự phù hợp đối với địa phương, vùng, quốc gia, quốc tế:

Một lợi thế là DNTU nằm ở vị trí đắc địa ngay trung tâm thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, cách không xa thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Nai là tỉnh tọa lạc nhiều sân ngang hàng các khu công nghiệp trong nước trong khu vực ASEAN. Thành phố Biên Hòa nằm ở trung tâm các tỉnh thành lân cận: Bình Dương, Vũng Tàu, Thành Phố Hồ Chí Minh. Nên có nhiều doanh nghiệp, cơ quan trong nước và quốc tế tọa lạc trong khu vực này. Chính vì vậy, mỗi công ty, cơ quan, doanh nghiệp, ... luôn có nhu cầu đảm nhận các vị trí truyền thông cho đơn vị, chính vì vậy việc đầu tư phát triển đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện là việc định hướng phát triển phù hợp của vùng, địa phương và quốc gia.

Ngành Truyền thông đa phương tiện trên thế giới đã được các trường đại học triển khai đào tạo từ lâu: Đại học Griffith, Úc; Trường nghệ thuật thị giác New York, Đại học Michigan, Đại học Boston; Đại học Indiana; Đại học Hồng Kông Bartist, Đại học Texas tại Austin; Đại học công nghệ Texas, ... Và đây là những ngành học thú vị, lôi cuốn nhiều sinh viên tham gia học tập và trở thành những nhà chiến lược quảng cáo thành công.

Việt Nam là đất nước đang trên đà phát triển công nghiệp, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực truyền thông và quảng cáo là rất lớn. Tuy nhiên trước sự phát triển nhu cầu nguồn nhân lực cho mọi công ty, doanh nghiệp và cơ sở truyền thông của nhà nước đòi hỏi nhân lực truyền thông ngày một lớn. Trong khi đó, ngành Truyền thông đa phương tiện chỉ tập trung đào tạo tại các thành phố lớn, dẫn đến thiếu hụt nguồn nhân lực cho các địa phương lân cận. Chính vì vậy việc DNTU xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng nguồn nhân lực hiện nay của địa phương nói riêng và các tỉnh thành lân cận nói chung, ...

Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và một số tỉnh thành lân cận như Bình Dương, Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh nơi tập trung các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển nhiều trường quay, truyền thông và quảng cáo, giải trí là rất lớn. Với nhiều công ty sản xuất hàng hóa và đầu tư tiêu thụ sản phẩm đòi hỏi nguồn nhân lực phục vụ Marketing, truyền thông cho doanh nghiệp là vô cùng lớn. Trước những nhu cầu phát triển như vậy, đòi hỏi nguồn nhân lực được đào tạo bài bản từ các Trường đại học có trình độ chuyên môn, có khả năng làm chủ công nghệ, thiết bị, phần mềm truyền thông; có tư duy sáng tạo xây dựng chiến lược quảng cáo truyền thông là rất cần thiết. Tuy nhiên, hiện nay tại đại bàn Đồng Nai và một số tỉnh thành lân cận chỉ một số trường đào tạo ngành này: Trường Đại học Văn Lang, Đại học Nguyễn Tất Thành, Đại học PFT, Đại học khoa học XH&NV TP.HCM, Đại học RMIT, Đại học Công Nghệ TP.HCM, Trường Đại học

Quốc tế Hồng Bàng, Đại học Thủ Dầu 1, như vậy, trong phạm vi khu vực Đông Nam Bộ, ngoài các Trường Đại học TP.HCM thì các tỉnh thành khác xây dựng kế hoạch đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện, chính vì vậy việc Hội đồng Trường đại học công nghệ Đồng Nai xây dựng chủ trương đào tạo ngành này là hoàn toàn phù hợp với khu vực, vùng miền và địa phương.

Nắm bắt nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội về lĩnh vực truyền thông và để bổ sung thêm các luận cứ pháp lý, thực tiễn và khoa học cho việc xây dựng Đề án mở ngành đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã thực hiện tổ chức lấy ý kiến và khảo sát sinh viên, học sinh, giáo viên, giảng viên và phụ huynh, ... để có số liệu làm luận cứ thực tiễn để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp xu hướng phát triển hiện nay của khối truyền thông.

Qua kết quả điều tra khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, cho thấy một bức tranh bao quát về nhu cầu ngành nghề: hầu hết tất cả các bên liên quan được tổ chức khảo sát lấy ý kiến đều cho kết quả về nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành Truyền thông đa phương tiện là cần thiết và rất cần thiết trong hiện nay và sắp tới (số liệu khảo sát đã được phân tích phần bên dưới).

Với những luận cứ nói trên, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tiến hành xây dựng Đề án ngành Truyền thông đa phương tiện nhằm đào tạo nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực truyền thông đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động hiện nay trong khu vực.

1.2.1.2. Phù hợp với quy hoạch (đã được phê duyệt) cấp bộ, ngành, địa phương hay nhà nước:

Trong chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục đại học (Điều 12, Luật giáo dục đại học, Luật số 34/2018/QH14) có nêu rõ: Phát triển giáo dục đại học để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư phát triển một số ngành đào tạo mang tầm khu vực, quốc tế; gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường, nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ là một trong những vấn đề trọng tâm.

Ngày 25/01/2021, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã ký ban hành Quyết định số 118/QĐ-TTg, về việc “Ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030”.

Ngày 08/09/2016, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 1755/QĐ-TTg Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Ngày 08/11/2018, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 08/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Đây là luận cứ pháp lý để DNTU xây dựng kế hoạch phát triển đào tạo các ngành nghề phục vụ chính sách công nghệ quốc gia. Với mục tiêu là trở thành một trường đại học Nghiên cứu ứng dụng phát triển trong nước và khu vực, nên trong xây dựng kế hoạch đào tạo Nhà trường đặt ra mục tiêu đào tạo gắn liền với thực tiễn, trong đó gắn liền với doanh nghiệp là lên trên hết để góp phần định hướng xây dựng DNTU ngày một phát triển nhanh. Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo ở tất cả các bậc học, ngành học, theo hướng tiếp cận với trình độ tiên tiến khu vực và thế giới, phù hợp với công nghiệp, phục vụ thiết thực kinh tế của đất nước, hướng tới một xã hội học tập, chú trọng đào tạo chuyên môn, tin học, ngoại ngữ. Tập trung đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình, phương pháp dạy và học theo hình thức E-learning, phù hợp với yêu cầu của các bậc học, có tính khoa học và thực tiễn cao.

Với xu hướng phát triển chung của Đồng Nai nói riêng và khu vực các tỉnh thành nói chung, việc triển khai đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện theo hướng chuyên sâu về truyền thông đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và các đơn vị truyền thông, báo chí, góp phần định hướng nguồn nhân lực phục vụ báo chí truyền thông trong bối cảnh các nền tảng xã hội phát triển nhưng thiếu hụt các chuyên gia làm chủ công nghệ và hiểu biết ngôn ngữ thị giác và thông tin văn bản trên của các nền tảng internet, và xử lý khủng hoảng truyền thông trong bối cảnh hiện đại.

1.2.2. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo:

Bên cạnh đó, Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã ban hành Nghị quyết số 206/NQ- ĐHCNĐN – HĐT ngày 03/9/2021 về ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2035. Và trong đó định hướng phát triển Nhà trường đào tạo đa ngành nghề là một nhiệm

vụ trọng tâm. Với chiến lược phát huy thế mạnh các ngành công nghệ thông tin và kỹ thuật sẽ là nền tảng để xây dựng phát triển các ngành Truyền thông đa Phương tiện, dựa trên cơ sở vật chất và các phòng Lab hiện đại, đảm bảo chất lượng đào tạo ngành nghề cho khối truyền thông.

1.2.3. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện:

Để có cơ sở thực tiễn và luận cứ pháp lý cho việc xây dựng Đề án của chương trình đào tạo và đề xuất mở ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học, Trường Đại học Đồng Nai đã thực hiện khảo sát các người học, chuyên viên, doanh nghiệp, phụ huynh, giáo viên, ... những giảng viên Trường Cao đẳng và Trường Đại học và nhân viên thiết kế, giám đốc bộ phận của các công ty truyền thông, quảng cáo và cơ quan thông tin, ... Theo kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết tất cả nhân viên làm việc trong khối doanh nghiệp, phụ huynh, người học, sinh viên, giảng viên đều có nhận định chung về nhu cầu tuyển dụng nhân lực học tập ngành Truyền thông đa phương tiện là cần thiết và rất cần thiết hiện nay và thời gian sắp đến.

Về phương pháp và kỹ thuật khảo sát: Về phía khảo sát doanh nghiệp, người học, giảng viên, phụ huynh, ... Tổ khảo sát thực hiện theo hình thức online qua ứng dụng Google form. Các câu hỏi và nội dung trả lời được xác định cụ thể phù hợp với các đối tượng đặt ra nhằm có số liệu liên quan đến nhu cầu học và xác định Chuẩn đầu ra trong xây dựng chương trình đào tạo. Và các nhu cầu tuyển dụng và thu nhập hàng tháng đối với ngành Truyền thông đa phương tiện.

1.2.3.1. Kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực và Chuẩn đầu ra ngành Truyền thông đa Phương tiện:

Bảng 1. Kết quả khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực ngành Truyền thông Đa phương tiện

Các mức độ	Có nhu cầu ngay		Vẫn đang cân nhắc		Có dự định trong thời gian tới		Không có nhu cầu		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Học sinh, sinh viên, giáo viên và phụ huynh	24	38.71	17	27.42	15	24.19	6	9.68	62	100

Bảng 2. Kết quả khảo sát Doanh nghiệp về nhu cầu tuyển dụng nhân lực Truyền thông Đa phương tiện

Các mức độ	Rất cao		Cao		Không cao		Không có nhu cầu		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Doanh nghiệp	9	45	10	50	1	5	0	0	20	100

Bảng 3. Kết quả khảo sát Doanh nghiệp về nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành Truyền thông đa phương tiện

Các mức độ	Nhu cầu từ 1-3 người		Nhu cầu từ 4-5 người		Nhu cầu từ 6-8 người		Nhu cầu từ 9-15 người		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Doanh nghiệp	12	60	3	15	1	5	4	20	20	100

Bảng 4. Kết quả khảo sát các đối tượng là học sinh, sinh viên, giáo viên và phụ huynh về sự cần thiết đào tạo các năng lực của CTĐT bậc đại học

Các mức độ	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị và pháp luật trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện các công việc phát triển ngành Truyền thông đa phương tiện		Phân tích các yếu tố liên quan trong truyền thông, quảng cáo và tiếp thị, lập chiến lược, trình bày bằng lời nói và văn bản trước các bên liên quan để xây dựng chiến lược phát triển mục tiêu truyền thông		Vận dụng các kiến thức phần mềm thiết kế, kỹ thuật chụp, quay và biên tập, ứng dụng AI trong sản xuất và sáng tạo nội dung chương trình truyền thông		Tạo ra các chiến lược và thực hiện chiến dịch quảng cáo và truyền thông cho khách hàng tiềm năng, góp phần truyền cảm hứng cho xã hội		Sáng tạo và xây dựng các chiến lược truyền thông qua các dự án thực tiễn: nội dung và hình thức mang giá trị mới cho thương hiệu cao		Vận dụng thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin và đạt MOS 700, kỹ năng ngoại ngữ tương đương B1, kỹ năng mềm để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá		Vận dụng, xử lý khủng hoảng trong truyền thông và quảng cáo để giải quyết các vấn đề liên quan		Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nắm vững các công cụ phần mềm để triển khai trong quá trình sản xuất chương trình truyền thông đa phương tiện		Đánh giá các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện, tính độc lập, tương tác và xử lý các tình huống một cách linh hoạt và sáng tạo		Tuân thủ các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; hình thành ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Không cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chưa cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1.61	0	0	0	0	0	
Ít cần thiết	3	4.84	1	1.61	1	1.61	1	1.61	1	1.61	3	4.84	0	0	0	0	0	0	1	1.61
Cần thiết	27	43.55	29	46.78	26	41.94	25	40.33	28	45.16	31	50	33	53.23	26	41.94	32	51.61	23	37.10
Rất cần thiết	32	51.61	32	51.61	35	56.45	36	58.06	33	53.23	28	45.16	28	45.16	36	58.06	30	48.39	38	61.29
Tổng	62	100	62	100	62	100	62	100	62	100	62	100	62	100	62	100	62	100	62	100

Bảng 5: Kết quả khảo sát của Doanh nghiệp về sự cần thiết đào tạo các năng lực của CTĐT bậc đại học

Các mức độ	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị và pháp luật trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện các công việc phát triển ngành Truyền thông đa phương tiện		Phân tích các yếu tố liên quan trong truyền thông, quảng cáo và tiếp thị, lập chiến lược, trình bày bằng lời nói và văn bản trước các bên liên quan để xây dựng chiến lược phát triển mục tiêu truyền thông		Vận dụng các kiến thức phần mềm thiết kế, kỹ thuật chụp, quay và biên tập, ứng dụng AI trong sản xuất và sáng tạo nội dung chương trình truyền thông		Tạo ra các chiến lược và thực hiện chiến dịch quảng cáo và truyền thông cho khách hàng tiềm năng, góp phần truyền cảm hứng cho xã hội		Sáng tạo và xây dựng các chiến lược truyền thông qua các dự án thực tiễn: nội dung và hình thức mang giá trị mới cho thương hiệu cao		Vận dụng thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin và đạt MOS 700, kỹ năng ngoại ngữ tương đương B1, kỹ năng mềm để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá		Vận dụng, xử lý khủng hoảng trong truyền thông và quảng cáo để giải quyết các vấn đề liên quan		Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nắm vững các công cụ phần mềm để triển khai trong quá trình sản xuất chương trình truyền thông đa phương tiện		Đánh giá các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phân biện, tính độc lập, tương tác và xử lý các tình huống một cách linh hoạt và sáng tạo		Tuân thủ các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; hình thành ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.		
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Không cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	5	0	0	0	0	0	0
Chưa cần thiết	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	5	0	0	0	0	0	0
Ít cần thiết	0	0	0	0	0	0	1	5	1	5	2	10	0	0	0	0	1	5	0	0	
Cần thiết	6	30	6	30	7	35	4	20	5	25	5	25	7	35	8	40	6	30	4	20	
Rất cần thiết	14	70	14	70	13	65	15	75	14	70	13	65	11	55	12	60	13	65	16	80	
Tổng	20	100	20	100	20	100	20	100	20	100	20	100	20	100	20	100	20	100	20	100	

Căn cứ vào kết quả khảo sát của các đối tượng liên quan, cho thấy nhu cầu học tập, tuyển dụng nguồn nhân lực hiện nay của các nhà doanh nghiệp về ngành Truyền thông Đa phương tiện là có thực. Từ kết quả khảo sát các Chuẩn đầu ra của CTĐT, phản ánh hướng đi phù hợp với triết lý, tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHCNĐN đã phát biểu. Trên cơ sở kết quả này, căn cứ thực tiễn và khoa học để Trường ĐHCNĐN xây dựng đề án chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện cho năm học 2024-2025.

1.2.4. Giới thiệu về đơn vị phụ trách ngành:

Khoa Truyền thông và Thiết kế, Trường ĐHCNĐN được thành lập ngày 20 tháng 10 năm 2023 theo QĐ số 84/QĐ/CNĐN-HĐT. Với triết lý, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường trở thành mục tiêu định hướng để xây dựng Khoa. Trên cơ sở Nghị quyết số 206/NQ- ĐHCNĐN – HĐT ngày 03/9/2021 Ban lãnh đạo Nhà trường đã tiến hành triển khai các mục tiêu xây dựng Trường ĐHCNĐN đa ngành nghề, đa lĩnh vực. Việc thành lập Khoa Truyền thông và Thiết kế là một định hướng có tính đột phá của Nhà trường trong việc xây dựng các ngành nghề có liên quan điển lĩnh vực công nghệ thông tin mà Nhà trường có thế mạnh. Khoa Truyền thông và Thiết kế đặt mục tiêu tiếp cận hệ thống công nghệ tiên tiến để triển khai đào tạo các ngành nghề liên quan đến Truyền thông và thiết kế: Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ truyền thông, Quảng cáo, Thiết kế mỹ thuật số, Thiết kế đồ họa, Kiến trúc, Kiến trúc cảnh quan, Công nghệ trang sức ... để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực truyền thông, quảng cáo và thiết kế cho các doanh nghiệp trên địa bàn Biên Hòa và các doanh nghiệp các tỉnh thành lân cận. Qua đó góp phần định hướng các ngành nghề trong lĩnh vực truyền thông và thiết kế cho xã hội.

Theo định hướng từ nay đến năm 2028, Khoa sẽ đào tạo 5 ngành có trình độ đại học, và tiến đến hợp tác đào tạo 02 ngành trình độ thạc sĩ. Với tổng số sinh viên lên đến 1.500 tham gia học tập tất cả các trình độ mà khoa đang đào tạo.

Nhằm phát huy tối đa nguồn lực hiện có của Nhà trường, dự kiến, Khoa Truyền thông và Thiết kế sẽ thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tế. Dự kiến mỗi năm Khoa đào tạo và cung cấp cho xã hội 300-400 sinh viên. Qua khảo sát, Khoa Truyền thông và Thiết kế nhận thấy nhu cầu rất lớn về sử dụng nguồn nhân lực các ngành nghề này tại Đồng Nai và các tỉnh thành lân cận. Điều này càng khẳng định chủ trương của Nhà trường trong việc thành lập Khoa là hướng đi đúng đắn trong việc mở rộng đa ngành nghề và phát triển quy mô đào tạo các lĩnh vực đặc thù mà xã hội đang có nhu cầu.

Về cơ cấu tổ chức của Khoa Truyền thông và Thiết kế hiện nay bao gồm Trưởng và phó khoa, Hội đồng khoa, các bộ môn chuyên môn, bộ phận hành chính và nhóm nghiên cứu chuyên sâu.

1.2.4.1. Lực lượng giảng viên Khoa:

Đội ngũ giảng viên của Khoa Truyền thông và Thiết kế là những chuyên gia truyền thông, thông tin truyền thông, thiết kế, quay phim, đạo diễn và sản xuất chương trình, có nhiều kinh nghiệm, trong đó, số giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn tại doanh nghiệp và trải nghiệm nước ngoài tham gia giảng dạy chiếm 35%.

Căn cứ vào CDR của CTĐT ngành Truyền thông đa phương tiện, Khoa đã xây dựng tuyển dụng và sử dụng đội ngũ giảng viên phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa và Nhà trường, trong đó đào tạo sau đại học cho đội ngũ giảng viên cơ hữu. Bên cạnh đó, Khoa sẽ kết hợp với các doanh nghiệp, cơ quan truyền thông đóng trên địa bàn và khu vực để triển khai hợp tác đào tạo. Với định hướng và xây dựng phát triển đội ngũ, Khoa Truyền thông và Thiết kế sẽ đáp ứng hoàn toàn khả năng giảng dạy và nghiên cứu chuyên sâu ngành Truyền thông đa phương tiện.

1.2.4.2. Số lượng sinh viên:

Theo kế hoạch phát triển Khoa Truyền thông và Thiết kế, tổng số sinh viên dự kiến đến năm 2028 quy mô đạt 1.500. sinh viên và phát triển tăng dần theo hàng năm, Khoa sẽ đạt chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch phát triển Nhà trường. Với thế mạnh là Khoa thừa hưởng cơ sở vật chất của Nhà trường: Phòng thực hành máy tính, Studio về truyền thông, Phòng thực hành trong bộ môn chuyên sâu. Khoa sẽ ngày càng khẳng định vị thế trong và ngoài Nhà trường và vươn lên định vị trong xã hội về nguồn nhân lực do Khoa đào tạo.

Với vị trí của Nhà trường nằm ngay trung tâm và hệ thống khu công nghiệp, nhiều đơn vị sản xuất và hành chính sự nghiệp trên địa bàn rất cần nhân lực phục vụ Truyền thông và thiết kế cho doanh nghiệp, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên khi đang còn ngồi trên ghế Nhà trường. Khoa Truyền thông và Thiết kế cam kết với người học và xã hội: 90% người học tham gia và chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa Phương tiện sẽ có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

Với triết lý, sứ mệnh và tầm nhìn của Khoa đã được xác định rất rõ ràng, tạo mục tiêu phát triển học tập toàn diện cho sinh viên, nhằm khơi dậy ý chí, lòng đam mê của mỗi

người. Tham gia vào các hoạt động quốc tế, hoạt động cộng đồng để tích lũy kinh nghiệm sống và lòng bao dung để đóng góp cho xã hội.

1.2.4.3. Các chương trình mũi nhọn:

Khoa triển khai đào tạo các ngành Truyền thông đa phương tiện, Thiết kế đồ họa, Thiết kế mỹ thuật số, Kiến trúc, ... trở thành những ngành nằm trong lộ trình đào tạo của Khoa và Nhà trường sẽ được triển khai từ năm 2024 về sau. Trong đó, chương trình mũi nhọn của Khoa là đào tạo gắn liền với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế, trong đó chú trọng các doanh nghiệp các trường đại học có kinh nghiệm đào tạo các ngành mà khoa đang triển khai. Nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến vấn đề thực hành và khả năng sử dụng ngoại ngữ để sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể tham gia vào các công việc mà các công ty đặt ra.

Đối với Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện, được thiết kế học phần doanh nghiệp từ năm thứ hai trở về sau. Sinh viên được tham quan, tiếp xúc với doanh nghiệp ngay từ đầu, để tạo cơ hội tìm hiểu vận hành các công ty truyền thông giải trí hiện nay để từ đó xây dựng kế hoạch học tập của mình. Bên cạnh đó, sinh viên có được trải nghiệm các kỳ học hè tại các trường là đối tác của ĐHCNĐN. Đây là tiền đề để sinh viên có cơ hội được tiếp cận với các doanh nghiệp, các trường đại học lớn trong và ngoài nước để hình thành các kỹ năng sau khi ra trường. Ngoài ra, Khoa Truyền thông và Thiết kế sẽ nâng cao các ngành này theo hình thức đào tạo chất lượng cao 50% tiếng Việt và 50% tiếng Anh, tiến tới là chương trình được giảng dạy bằng 100% tiếng Anh và có kỳ trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp nước ngoài: Trong đó chú trọng:

- Các môn học đều được phân bố giữa lý thuyết và thực hành;
- Chương trình được thiết kế hệ thống các môn kỹ năng mềm hợp lý;
- Các môn học đều có kết hợp giảng dạy tại doanh nghiệp và triển khai Tập sự nghề nghiệp;
- Các học phần Tập sự nghề nghiệp được triển khai từ năm thứ tư để sinh viên có cơ hội tiếp cận tại các công ty, doanh nghiệp để từ đó rút ra những thế mạnh và định hướng cho Đồ án tốt nghiệp cuối khóa;
- Đồ án tốt nghiệp được triển khai thực hiện gắn liền với dự án của công ty;

Nhà trường và Khoa sẽ tiếp cận và đối sánh các chương trình đào tạo của các trường đại học hàng đầu thế giới để nâng cao chất lượng đào tạo và tạo tính hội nhập quốc tế.

1.2.4.4. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ công tác đào tạo:

Trong triển khai đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện đã triển khai xây dựng chương trình chính khóa và ngoại khóa là hai vấn đề quan trọng và bổ sung cho nhau. Khoa chú trọng xây dựng mạng lưới học thuật, kết nối với các nhà truyền thông, quảng cáo, báo chí các chuyên gia nghiên cứu, các giáo sư, giảng viên trên thế giới thường xuyên có những chương trình ngắn hạn: talkshow, workshop, ... nhằm định hướng những vấn đề chuyên sâu cho sinh viên, giúp sinh viên học tập những kinh nghiệm, kiến thức của những người làm nghề. Ngoài ra tham gia vào các dự án truyền thông do Nhà trường phát động, như truyền thông về giới tính trong học đường, truyền thông về dân số, truyền thông về tuyển sinh, ... để nâng cao kỹ năng và kiến thức trải nghiệm nghề nghiệp.

Khoa Truyền thông và Thiết kế sẽ thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao trình độ kiến thức cho sinh viên và giảng viên thông qua các câu lạc bộ theo định kỳ. Khoa sẽ thành lập 04 Câu lạc bộ chuyên ngành bao gồm: Câu lạc bộ khởi nghiệp, Câu lạc bộ nhiếp ảnh và quay phim, Câu lạc bộ truyền thông, Câu lạc bộ tiếng Anh chuyên ngành, ... Đây là những môi trường để sinh viên có cơ hội kết nối học tập ngoại khóa có hiệu quả, giúp sinh viên cải thiện những hạn chế của bản thân để hình thành các kỹ năng xử lý trong cuộc sống và nghề nghiệp.

Theo kế hoạch, Khoa sẽ ký kết hợp tác MOU với 4 doanh nghiệp và tổ chức có uy tín trong lĩnh vực Truyền thông và quảng cáo. Những doanh nghiệp này là địa chỉ tin cậy, sẵn sàng tiếp nhận sinh viên của Khoa đến thực tập nghề nghiệp và có những trải nghiệm chuyên môn với những chuyên gia giỏi.

Với mục tiêu đặt lợi ích của người học lên trên hết, Khoa sẽ thường xuyên xây dựng kế hoạch lấy ý kiến người học vào cuối học kỳ để từ đó có những cải thiện tốt hơn để chăm sóc người học. Khoa cũng tổ chức cho đội ngũ giảng viên chủ nhiệm, giảng viên cố vấn học tập là những người giúp đỡ, hỗ trợ cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và các hoạt động ngoại khoa. Bên cạnh đó, hằng năm, khoa sẽ tổ chức đối thoại trực tiếp với sinh viên để lắng nghe các ý kiến trái chiều trong quá trình tổ chức đào tạo để kịp thời hỗ trợ sinh viên một cách tốt nhất.

Phần 2. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

2.1. Đội ngũ:

- Đội ngũ Giảng viên đáp ứng giảng dạy Chương trình đào tạo (62 giảng viên)

2.2. Cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị, công nghệ học liệu:

2.2.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo:

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho tất cả ngành, chuyên ngành đào tạo trong nhà trường, bao gồm 91 phòng học lý thuyết với diện tích 12.311 m²; 44 phòng thí nghiệm, máy tính và thực hành có đủ trang thiết bị cho sinh viên, học viên sau đại học. Việc triển khai chương trình đào tạo Truyền thông đa phương tiện sử dụng chung hệ thống CSVC chung của trường; phòng học, hội thảo được đầu tư theo hướng tiên tiến, hiện đại, tiện ích. Bên ạnh đó, Nhà trường sẽ đầu tư hệ thống studio và xưởng thực hành phục vụ choc ho học học phần nghe nhìn. Ngoài ra, sinh viên ngành này có thể sử dụng tiện ích các học tự học, phòng máy tại Thư viện có các phần mềm thiết kế và dựng phim.

Bảng 6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	94	8.334	Tất cả các học phần	Cả năm	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	710	Các học phần lý luận chính trị	Cả năm	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01	260	Các học phần lý luận chính trị	Cả năm	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	37	2.930	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	3.111	Tất cả các học phần	Cả năm	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	93	Các học phần cần sử dụng máy tính, kết nối mạng và âm thanh	Cả năm	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	05	1.230		Cả năm	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	3.335		Cả năm	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	39	12.125	Các học phần thực hành	Cả năm	

2.2.2. Thư viện:

a) Diện tích: 3.335m ² .		
b) Số chỗ ngồi: 1.200		
1	Diện tích phòng đọc	2.260 m ²
2	Máy tính phục vụ tra cứu	100
3	Thư viện điện tử 400 m ²	5.292 đầu sách
4	Thư viện điện tử được kết nối với hệ thống internet trong website của trường	80.000 tài liệu
5	Thư viện truyền thống	15.492 đầu sách gồm 83.571 sách tham khảo
<i>Công nghệ, trang thiết bị</i>		
1	Phần mềm Libol quản lý thư viện	1
2	Máy tính phục vụ tra cứu	100

Ngoài ra, nhằm khuyến khích hoạt động nghiên cứu, công bố, Nhà trường hiện đã tiến hành thủ tục để cấp phép hoạt động Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghệ Đồng Nai; các thủ tục đã hoàn tất và đã có Văn bản chấp thuận của Ban Tuyên giáo Trung ương tại Công văn số 4903-CV/BTGTW ngày 27/02/2023 V/v cấp giấy phép hoạt động Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghệ Đồng Nai.

Thông tin về tài nguyên, dịch vụ, quy định và các hoạt động của Thư viện Trường cũng như các sản phẩm truyền thông về văn hóa đọc (video, audio, thư mục tài liệu, ...) được cập nhật trên website, facebook, youtube Thư viện.

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	The Artist in the Machine: The World of AI-Powered Creativity (Mit Press)	Arthur I. Miller	2020, The MIT Press	1	Ứng dụng AI trong truyền thông	TT70101	HK II, 2025-2026	
2	Artificial Intelligence in Practice: How 50 Successful Companies Used AI and Machine Learning to Solve Problems	Bernard Marr	2019, Gildan Media	1	Ứng dụng AI trong truyền thông	TT70101	HK II, 2025-2026	
3	A First Look at Communication Theory	Em Griffin	2020, McGraw-Hill Education	1	Lý thuyết truyền thông	TT70102	HK II, 2025-2026	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
4	Introducing Communication Theory: Analysis and Application	Richard West	2020, McGraw-Hill Education	1	Lý thuyết truyền thông	TT70102	HK II, 2025-2026	
5	Introducing Language and Intercultural Communication	Jane Jackson	2019, Routledge	1	Ngôn ngữ truyền thông	TT70103	HK 4, 2026-2027	
6	Introducing Communication Research: Paths of Inquiry	Donald M. Treadwell	2019, SAGE Publications	1	Ngôn ngữ truyền thông	TT70103	HK 4, 2026-2027	
7	Giáo trình Quản trị học	Trịnh Thuỳ Anh	2018, NXB Kinh tế Tp HCM	1	Quản trị học	TT70104	HK II, 2025-2026	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
8	Các tình huống Quản trị kinh doanh	Trịnh Thùy Anh	2014, NXB Thống kê, TP. Hồ Chí Minh.	1	Quản trị học	TT70104	HK II, 2025-2026	
9	Storytelling through video: 7 Steps for producing and promoting content	Fuller, P.	2019, Independently published	1	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	TT70105	HK I, 2025-2026	
10	Unleash the power of storytelling: Win hearts, change minds, get results (1st ed.)	Biesenbach, R.	2018, Eastlawn Media	1	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	TT70105	HK I, 2025-2026	
11	Báo Chí Truyền Thông - Những Góc Tiếp Cận	Trần Bá Dung	2020, NXB Thông Tin Và truyền Thông	2	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	TT70106	HK 4, 2026-2027	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
12	Photoshop Giáo Trình Xử Lý Ảnh CC-CS6-CS5	Phạm Quang Huy	2018, Nhà xuất bản Thanh Niên	1	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	TT70106	HK 3, 2026-2027	
13	Adobe Illustrator: 2021 Release	Brian Wood	2021, California: Adobe Press	1	Thực hành phần mềm ứng dụng I	TT70108	HK 3, 2026-2027	
14	Maxon cinema 4D R19 Studio: A Tutorial Approach, 6 th Edition	Prof Sham Tickoo Purdue Univ	2018, Cadcim Technologies	1	Thực hành phần mềm ứng dụng I	TT70108	HK 3, 2026-2027	
15	Adobe Premiere Pro Classroom in a Book (2020 Release)	Maxim Jago	2020, Pearson Education	1	Thực hành phần mềm ứng dụng II	TT70108	HK 3, 2026-2027	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
16	Strategic Communication Theory and Practice: The Cocreational Model	Carl H. Botan	2017, Wiley-Blackwell;	1	Truyền thông: Lý thuyết, mô hình và kỹ năng	TT70109	HK 4, 2026-2027	
17	The First Minute: How to Start Conversations That Get Results (Business Communication Skills Books)	Chris Fenning	2020, Chris Fenning	1	Truyền thông: Lý thuyết, mô hình và kỹ năng	TT70109	HK 4, 2026-2027	
18	Xử lý kỹ xảo cơ bản với Adobe After Effects = Adobe After Effects CS6 Digital Classroom	Jerron Smith, nhóm AGI Creative	2019, Tái bản lần 1. - Hà Nội: Bách Khoa Hà Nội	2	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	TT70111	HK 5, 2027-2028	
19	Learn Autodesk Inventor 2018 Basics	T. Kishore	2017, Apress, India	2	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	TT70111	HK 5, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
20	HTML and CSS QuickStart Guide: The Simplified Beginners Guide to Developing a Strong Coding Foundation, Building Responsive Websites, and Mastering ... of Modern Web Design (QuickStart Guides)	David DuRocher	2021, ClydeBank Media LLC.	1	Nguyên lý thiết kế website I	TT70115	HK 5, 2027-2028	
21	Responsive Web Design with HTML5 and CSS: Develop future-proof responsive websites using the latest HTML5 and CSS techniques	Ben Frain	2020, Packt Publishing	1	Nguyên lý thiết kế website I	TT70115	HK 5, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
22	HTML and CSS QuickStart Guide: The Simplified Beginners Guide to Developing a Strong Coding Foundation, Building Responsive Websites, and Mastering ... of Modern Web Design (QuickStart Guides)	David DuRocher	2021, ClydeBank Media LLC.	1	Nguyên lý thiết kế website II	TT70115	HK 5, 2027-2028	
23	Responsive Web Design with HTML5 and CSS: Develop future-proof responsive websites using the latest HTML5 and CSS techniques	Ben Frain	2020, Packt Publishing	1	Nguyên lý thiết kế website II	TT70115	HK 5, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
24	Advertising and Promotion: An Integrated Marketing Communications Perspective	George Belch and Michael Belch	2014, McGraw-Hill; 10th edition	1	Kỹ thuật quay phim và biên tập video	TT70113	HK II, 2025-2026	
25	Video Production Techniques: Theory and Practice from Concept to Screen	Donald Diefenbach	2019, Routledge	1	Kỹ thuật quay phim và biên tập video	TT70113	HK II, 2025-2026	
26	Complete Digital Photography Fourth Edition	Ben Long	2007, Charles River Media, Boston, Massachusetts	1	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	TT70114	HK II, 2025-2026	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
27	The art of digital photography	John Hedgecoe	2006, DK Pub, New York	1	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	TT70114	HK II, 2025-2026	
28	National Geographic Photo Basics: The Ultimate Beginner's Guide to Great Photography	Joel Sartore	2019, National Geographic; Illustrated edition	1	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	TT70114	HK II, 2025-2026	
29	The Psychology of Advertising: 3rd Edition	Wolfgang Stroebe, Bob M. Fennis	2021, Nigel Patterson	1	Tâm lý quảng cáo truyền thông	TT70116	HK 4, 2026-2027	
30	A step-by-step guide to smart business experiments	Anderson, E. T. and Simester, D.	2011, Harvard Business Review	1	Tâm lý quảng cáo truyền thông	TT70116	HK 4, 2026-2027	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
31	Global Brand Strategy: unlocking branding potential across countries	Sicco van Gelder	2020, cultures and markets	1	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng	TT70117	HK 4, 2026-2027	
32	A Guide to Developing, Building & Managing an International Brand	Laurence Minsky	2019, Kogan Page	1	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng	TT70117	HK 4, 2026-2027	
33	Báo Chí Truyền Thông Hiện Đại	Tạ Ngọc Tấn	2019, Nhà Xuất Bản Chính Trị Quốc Gia Sự Thật	1	Viết và biên tập trong báo chí	TT70118	HK 4, 2026-2027	
34	The Craft of Research, Fourth Edition (Chicago Guides to Writing, Editing, and Publishing)	Wayne C. Booth	2016, University of Chicago Press; Fourth edition	1	Viết và biên tập trong báo chí	TT70118	HK 4, 2026-2027	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
35	Global Media Studies	Toby Miller	2016, Polity	1	Truyền thông quốc tế	TT70119	HK 5, 2027-2028	
36	Understanding Global Media	Terry Flew	2018, Bloomsbury Academic	1	Truyền thông quốc tế			
37	Recording Studio Secrets: How To Make Big Money From Home! (Music Production Secrets - Audio Engineering, Home Recording Studio, Song Mixing, and Music Business Advice)	John Rogers	2019, Independently published	1	Kỹ thuật trường quay	TT70121	HK 5, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
38	The TV Studio Production Handbook	Lucy Brown	2019, Bloomsbury Academic; Reprint edition	1	Kỹ thuật trường quay	TT70121	HK 5, 2027-2028	
39	Production of digital media programs	Jan Roberts-Breslin	2017, Routledge	1	Sản xuất chương trình truyền thông trên nền tảng số	TT70122	HK 6, 2027-2028	
40	Video Storytelling Projects: A DIY Guide to Shooting, Editing and Producing Amazing Video Stories on the Go (Voices That Matter)	Rafael Concepcion	2023, New Riders	1	Sản xuất chương trình truyền thông trên nền tảng số	TT70122	HK 6, 2027-2028	
41	Production of digital media programs	Jan Roberts-Breslin	2017, Routledge	1	Nghiệp vụ đạo diễn	TT70123	HK 6, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
42	Video Storytelling Projects: A DIY Guide to Shooting, Editing and Producing Amazing Video Stories on the Go (Voices That Matter)	Rafael Concepcion	2023, New Riders	1	Nghiệp vụ đạo diễn	TT70123	HK 6, 2027-2028	
43	Social Media Marketing Workbook: How to Use Social Media for Business	Jason McDonald	2022, Social Media for Business	1	Thiết kế đồ họa cho quảng cáo xã hội và thương mại	TT70124	HK 6, 2027-2028	
44	Advertising by Design: Generating and Designing Creative Ideas Across Media	Robin Landa	2021, Wiley	1	Thiết kế đồ họa cho quảng cáo xã hội và thương mại	TT70124	HK 6, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
45	Social Media Marketing Workbook: How to Use Social Media for Business	Jason McDonald	2022, Social Media for Business	1	Sản xuất quảng cáo TVC I	TT70125	HK 6, 2027-2028	
46	Advertising by Design: Generating and Designing Creative Ideas Across Media	Robin Landa	2021, Wiley	1	Sản xuất quảng cáo TVC I	TT70125	HK 6, 2027-2028	
47	Truyền Thông Theo Phong Cách Win-Win	Phạm Song Thu	2020, Nhà Xuất Bản Hà Nội	1	Kịch bản và sản xuất	TT70126	HK 6, 2027-2028	
48	Mid-Century Modern Graphic Design	Theo Inglis	2019, Batsford	1	Kịch bản và sản xuất	TT70126	HK 6, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
49	Social Media Marketing Workbook: How to Use Social Media for Business	Jason McDonald	2022, Social Media for Business	1	Sản xuất truyền thông số nâng cao	TT70127	HK 6, 2027-2028	
50	Advertising by Design: Generating and Designing Creative Ideas Across Media	Robin Landa	2021, Wiley	1	Sản xuất truyền thông số nâng cao	TT70127	HK 6, 2027-2028	
51	Social Media Marketing Workbook: How to Use Social Media for Business	Jason McDonald	2022, Social Media for Business	1	Sản xuất quảng cáo TVC II	TT70128	HK 6, 2027-2028	
52	Advertising by Design: Generating and Designing Creative Ideas Across Media	Robin Landa	2021, Wiley	1	Sản xuất quảng cáo TVC II	TT70128	HK 6, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
53	Burn Your Portfolio: Stuff they don't teach you in design school, but should	Michael Janda	2014, USA	1	Thực tập tốt nghiệp	TT70129	HK 7, 2028-2029	
54	How to Create a Portfolio and Get Hired, Second Edition: A Guide for Graphic Designers and Illustrators	Fig Taylor	2013, Laurence King Publishing, London	1	Thực tập tốt nghiệp	TT70129	HK 7, 2028-2029	
55	Writing and Research for Graphic Designers: A Designer's Manual to Strategic Communication and Presentation	Steven Heller	2013, Rockport Publishers, UK.	1	Đồ án tốt nghiệp/ Thay thế tốt nghiệp	TT70241	HK 8, 2028-2029	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
56	Visual Research: An Introduction to Research Methodologies in Graphic Design	Ian Noble, Russell Bestley	2011, AVA Publishing SA, Switzerland	1	Đồ án tốt nghiệp/ Thay thế tốt nghiệp	TT70241	HK 8, 2028-2029	
57	Killer Visual Strategies: Engage Any Audience, Improve Comprehension, and Get Amazing Results Using Visual Communication	Amy Balliett	2020, Wiley	1	Truyền thông, thông tin bằng hình ảnh	TT71131	HK 7, 2028-2029	
58	Compose, Design, Advocate	Anne Frances Wysocki	2017, Pearson	1	Truyền thông, thông tin bằng hình ảnh	TT71131	HK 7, 2028-2029	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
59	Marketing Artificial Intelligence: AI, Marketing, and the Future of Business	Paul Roetzer	2022, Matt Holt	1	Quảng cáo thông minh	TT71132	HK 7, 2028-2029	
60	Why Advertising Fails: And How To Make Yours Succeed	Dan S. Kennedy	2021, Advantage Media Group	1	Quảng cáo thông minh	TT71132	HK 7, 2028-2029	
61	Global Brand Strategy: unlocking branding potential across countries	Sicco van Gelder	2020, cultures and markets	1	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng	TT71133	HK 7, 2028-2029	
62	A Guide to Developing, Building & Managing an International Brand	Laurence Minsky	2019, Kogan Page	1	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng	TT71133	HK 7, 2028-2029	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
63	Transcultural Marketing: Building Customer Relations in Multicultural America	Marye Tharp	2014, Armonk, New York: M.E. Sharpe	1	Xây dựng kế hoạch tài khoản	TT71134	HK 7, 2028-2029	
64	Essential Account Planning: 5 Keys for Helping Your Sales Team Drive Revenue	Mark Donnolo	2017, Association for Talent Development	1	Xây dựng kế hoạch tài khoản	TT71134	HK 7, 2028-2029	
65	Product Management in Practice: A Real-World Guide to the Key Connective Role of the 21st Century	Matt LeMay	2021, Upfront Books	1	Quản lý sản xuất truyền thông số	TT70235	HK 6, 2027-2028	
66	Television (or) Media Production Management:	Mohanraj M	2023, B0CKRY96TF	1	Quản lý sản xuất truyền thông số	TT70235	HK 6, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
67	Xóa Mù Quảng Cáo Sáng Tạo: Khám Phá Video Reels - Cập Nhật Xu Hướng Mới Nhất Từ Chuyên Gia Hàng Đầu Về Digital Marketing	Doãn Kỹ	2023, Nhà Xuất Bản Thế Giới	1	Quản lý quảng cáo	TT70236	HK 6, 2027-2028	
68	Advertising Management in a Digital Environment: Text and Cases	Jason McDonald Ph.D.	2021, Routledge	1	Quản lý quảng cáo	TT70236	HK 6, 2027-2028	
69	Quản trị truyền thông marketing tích hợp (Lý thuyết và tình huống ứng dụng của các công ty Việt Nam)	Lưu Đan Thọ	2019, Nhà Xuất Bản Tài Chính	1	Lập kế hoạch và quản lý truyền thông	TT70237	HK 6, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
70	Media Ethics: Issues and Cases	Philip Patterson	2018, Rowman & Littlefield Publishers; Ninth edition	1	Lập kế hoạch và quản lý truyền thông	TT70237	HK 6, 2027-2028	
71	Entertainment Industry Economics: A Guide for Financial Analysis	Harold L. Vogel	2023, Cambridge University Press	1	Quản lý giải trí và truyền thông	TT70238	HK 6, 2027-2028	
72	Art and Print Production	Sarkar, NN.	2013, Oxford University Press	1	Quản lý giải trí và truyền thông	TT70238	HK 6, 2027-2028	
73	Chiến Lược Xây Dựng Thương Hiệu Và Quản Lý Sản Phẩm	Huy Nguyễn	2019, Nhà Xuất Bản Lao Động	1	Quản lý và xây dựng thương hiệu	TT70239	HK 6, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
74	Real Differences between Local and International Brands: Strategic Implications for International Marketers	Isabelle Schuiling and Jean-Noël Kapferer	2004, Thomson Gale	1	Quản lý và xây dựng thương hiệu	TT70239	HK 6, 2027-2028	
75	Digital Marketing Cho Nhà Quản Lý - Tiếp Thị Tinh Gọn Để Kinh Doanh Hiệu Quả	Quân Võ	2023, Nhà Xuất Bản Thế Giới	1	Quản lý doanh nghiệp quảng cáo	TT71242	HK 6, 2027-2028	
76	Haryana Hindi Granth Academy, Panchkula, Haryana.	Media Shod, Prof. Manoj Dayal	1999, Singapore: Prentice Hall	1	Quản lý doanh nghiệp quảng cáo	TT71242	HK 6, 2027-2028	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
77	Cutting Edge Advertising: How to Create the World's Best Print for Brands in the 21st Century	Atchison, J	1999, Singapore: Prentice Hall	1	Nghiên cứu truyền thông	TT71243	HK 7, 2028-2029	
78	Haryana Hindi Granth Academy, Panchkula, Haryana.	Media Shod, Prof. Manoj Dayal	1999, Singapore: Prentice Hall	1	Nghiên cứu truyền thông	TT71243	HK 7, 2028-2029	
79	Kỹ Năng Quản Lý Dự Án Hiệu Quả	Clydebank	2019, 1980 Books	1	Quản lý dự án truyền thông	TT71244	HK 7, 2028-2029	
80	Haryana Hindi Granth Academy, Panchkula, Haryana.	Media Shod, Prof. Manoj Dayal	1999, Singapore: Prentice Hall	1	Quản lý dự án truyền thông	TT71245	HK 7, 2028-2029	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
81	Kỹ Năng Quản Lý Dự Án Hiệu Quả	Clydebank	2019, 1980 Books	1	Quản lý và nghiên cứu phân tích dự án phim	TT71245	HK 7, 2028-2029	
82	Haryana Hindi Granth Academy, Panchkula, Haryana.	Media Shod, Prof. Manoj Dayal	1999, Singapore: Prentice Hall	1	Quản lý và nghiên cứu phân tích dự án phim	TT71245	HK 7, 2028-2029	

2.2.3. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập:

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
1	Hệ thống giá vẽ	Việt Nam, 2022	90	Giá	Nguyên lý ngôn ngữ thị giác	HK1,2 NH2022- 2023	90	
2	Bục	Việt Nam, 2022	10	Bục				
3	Tượng giải phẫu	Việt Nam, 2022	6	Tượng				
4	Ghế ngồi	Việt Nam, 2022	90	Ghế				
5	Mô hình và vật mẫu	Việt Nam, 2022	20	Mô hình				

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
6	Máy tính cấu hình mạnh	Mỹ, 2020	90	Máy	Thực hành phần mềm ứng dụng cho quảng cáo I; Thực hành phần mềm ứng dụng trong quảng cáo II; Thiết kế đồ họa nghệ thuật I; Thiết kế đồ họa nghệ thuật II; Sản xuất và biên tập video; Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay phim số; Nguyên lý thiết kế Website; Quảng cáo và xúc tiến bán hàng; Quảng cáo thông minh; Đánh giá bản quyền quảng cáo; Truyền thông, thông tin bằng thị giác;	HK1,2 NH2023-2024 và 2024-2025	90	
7	Bục, tủ, kệ trưng bày	Việt Nam, 2022	10	Cái				
8	Bàn học	Việt Nam, 2022	45	Cái				
9	Màn hình LCD 60 inch	Nhật Bản, 2020	3	Cái				
10	Bảng viết	Việt Nam, 2022	3	Cái				
11	Bộ Giá Treo 3 Phòng Có Xích	Nhật Bản, 2020	1	Cái				
12	Phòng vải	Nhật Bản, 2020	3	Cái				
13	Bộ 3 đèn studio	Nhật Bản, 2020	3	Cái				

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
14	Chân đèn	Nhận Bản, 2020	5	Cái				
15	Softbox thường	Nhận Bản, 2020	3	Cái				
16	Softbox tổ ong	Nhận Bản, 2020	2	Cái				
17	Bộ bandoor honeycomb	Nhận Bản, 2020	2	Cái				
18	Hắt sáng cong U shape beauty	Nhận Bản, 2020	1	Cái				
19	Trigger Godox	Nhận Bản, 2020	1	Cái				
20	Máy ảnh canon 6D mark 2 + lens 24-105	Nhận Bản, 2020	1	Cái				

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
21	Đèn quay phim Amaran 200x	Nhận Bản, 2020	1	Cái				
22	DJI Ronin-SC Gimbal	Nhận Bản, 2020	1	Cái				
23	Chân quay phim benro	Nhận Bản, 2020	1	Cái				
24	Mic Rode shotgun	Nhận Bản, 2020	1	Cái				
25	Micro RODE Wireless	Nhận Bản, 2020	1	Cái				
26	Máy ảnh sony a7 mark 3	Nhận Bản, 2020	1	Cái				
27	Ống kính Tamron 28-75 f2.8	Nhận Bản, 2020	1	Cái				
28	Trigger Godox Sony	Nhận Bản, 2020	1	Cái				

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
29	Bộ pin + sạc đôi cho máy ảnh sony	Nhật Bản, 2020	1	Cái				
30	Bàn học 120x 240	Việt Nam, 2022	20	Cái				
31	Pin dummy (Pin cắm sạc trực tiếp vào nguồn điện để chụp ảnh trong thời gian dài)	Nhật, 2022	10	Cái				
32	Đèn Led Chiếu Bảng Vẽ	Nhật, 2022	10	Cái				
33	Thiết bị trồng điện tử	Nhật, 2022	10	Cái				

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
34	Đàn mini kết hợp trống điện tử thu âm tạo vòng lặp âm thanh	Nhật, 2022	5	Cái				
35	Bộ thu âm trực tiếp có chân micro, bộ điều chỉnh âm thanh, dây kết nối màng lọc tạp âm	Nhật, 2022	5	Cái				
36	Máy in 3D	Châu Âu	2	Máy				
37	Âm thanh	Nhật Bản, 2020	3	Cái				

2.2.4. Công nghệ học liệu:

Từ năm 2020, Nhà trường đã sử dụng hệ thống LMS Canvas (<https://canvas.dntu.edu.vn>) phục vụ công tác giảng dạy, đáp ứng việc học trực tuyến hiệu quả cho sinh viên, tạo công cụ quản lý giảng dạy, lưu trữ bài giảng và tài liệu. Hệ thống canvas hỗ trợ tối ưu việc lưu trữ được nguồn tài nguyên học liệu lớn: video, hình ảnh trực quan, file âm thanh, các file word, excel, pdf. Giảng viên có thể chia sẻ nguồn tài liệu; theo dõi và quản lý, phân công nội dung, quá trình dạy – học, đánh giá quá trình giảng dạy dễ dàng, nhanh chóng. Sinh viên chủ động theo dõi nội dung học tập, làm bài tập, quản lý kết quả học tập trong suốt quá trình học. Hệ thống canvas hỗ trợ việc tổ chức các kỳ thi, đánh giá sinh viên trong quá trình học tập tại Trường bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận, hỗ trợ đa dạng hình thức câu hỏi (assignment và quiz) và giới hạn thời gian của bài thi dễ dàng. Giảng viên đã có thể tự động hóa công tác đánh giá, chấm điểm và quản lý sinh viên dễ dàng. Đồng thời, giảng viên có thể thảo luận theo chủ đề và gửi thông báo cho nhóm, theo dõi mức độ tương tác của người học trên hệ thống Canvas.

2.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học:

Trong giai đoạn 2019-2024:

+ Số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đã được nghiệm thu:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1	2	0	0	0	3
3	Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố	1	0	0	0	0	1
4	Đề tài cấp trường	115	43	55	15	00	228
	Tổng cộng	117	45	55	15	00	232

+ Số lượng bài của được đăng trên các tạp chí:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2021-2022	2022-2023	Tổng số
1	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	70	81	265	74	68	
	Tổng cộng	80	100	340	111	128	759

(Nguồn: DNTU)

Theo định hướng chung của Nhà trường, trong giai đoạn sắp đến Nhà trường tập trung củng cố và phát triển hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thực nghiệm, trung tâm tính toán, các hoạt động liên kết doanh nghiệp, hợp tác quốc tế. Tổ chức các hội nghị khoa học chuyên ngành cấp quốc tế/quốc gia. Xây dựng thành công hình ảnh về một đại học khoa học ứng dụng có chất lượng và nghiên cứu ứng dụng có đẳng cấp trong nước và quốc tế.

Trên tinh thần định hướng chung của Nhà trường, Khoa Truyền thông và Thiết kế sẽ triển khai chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học. Cụ thể Khoa sẽ thành lập trung tâm chuyên giao về sản phẩm thiết kế và sáng tạo, nhằm triển khai các dự án ứng dụng trong đời sống và qua đó sẽ công bố các sản phẩm có liên quan.

Khoa Khoa Truyền thông và Thiết kế sẽ có kế hoạch, lộ trình và chính sách khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu công bố khoa học và chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực mà Khoa có thế mạnh như dự án chiến lược truyền thông, quảng cáo sản phẩm, nhận diện thương hiệu cho các doanh nghiệp, ... Bên cạnh đó, Khoa Khoa Truyền thông và Thiết kế sẽ tích cực hợp tác các Sở khoa học địa phương, các công ty sản xuất sản phẩm giải trí, truyền thông và tổ chức sự kiện, ... trong việc chuyển giao các đồ án, sản phẩm do giảng viên và sinh viên sáng tạo, nhằm tạo môi trường tiếp cận thực tế đối với các sản phẩm học đường.

Nhà trường và Khoa Khoa Truyền thông và Thiết kế có chính sách khuyến khích và quan tâm sâu sắc đến giảng viên, sinh viên có tinh thần tích cực tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học: Các chính sách khen thưởng bằng hiện vật, hiện kim, cấp chứng nhận, đăng tải trên các tạp san khoa học chuyên ngành và cộng điểm khoa học hàng năm cho giảng viên; cộng điểm học tập và rèn luyện cho sinh viên, nhằm khích lệ và phát huy sức sáng tạo tài năng trẻ. Việc xây dựng hoạt động khoa học trong lĩnh vực truyền thông, quảng cáo và thiết kế cho sinh viên là tiền đề quan trọng trong việc định hướng phát triển vị trí việc làm sau này. Khoa Truyền thông và Thiết kế xác định kỹ năng và tư duy thiết kế cần phải phát triển trên tư duy khoa học và công nghệ nhằm định hướng phát triển cho chuyên ngành, giúp cho sinh viên thiết kế sản phẩm nắm được các phương pháp tiếp cận đối tượng thiết kế, phạm vi thiết kế, phân tích đối thủ cạnh tranh, dự toán công trình, ... làm nền tảng cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

2.3.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện:

Số TT	Số quyết định, ngày giao đề tài	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài
1	TR:2019-01/KCN	Đề tài cấp Cơ sở	Module tạo chữ ký điện tử cho giảng viên nhân viên DNTU	Nguyễn Tài Tiếp Nguyễn Thị Mến Nguyễn Thành Luân Hồ Hữu Chiến Đặng Quốc Hưng Đặng Trần Phương Nam Nguyễn Thanh Tùng
2	TR:2019-02/KCN	Đề tài cấp Cơ sở	Xây dựng ứng dụng quản lý bài báo nghiên cứu khoa học	Quách Thị Bích Như Trần Văn Ninh Nguyễn Tài Tiếp
3	TR:2019-03/KCN	Đề tài cấp Cơ sở	Xây dựng website hỗ trợ tổ chức hội thảo	Quách Thị Bích Như Trần Văn Ninh Nguyễn Thị Liệu

Số TT	Số quyết định, ngày giao đề tài	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài
4	TR:2019-05/KCN	Đề tài cấp Cơ sở	Phần mềm phát hiện sao chép đề tài	Đỗ Quốc Bảo Quách Thị Bích Nhường
5	TR:2019-14/KCN	Đề tài cấp Cơ sở	Nghiên cứu xây dựng mô hình điều khiển tín hiệu giao thông ngoài thực tế	Phạm Văn ĐỂ Văn Bá Tài Trần Văn Cường Trần Trọng Bình Phạm Duy Khánh
6	TR:2019-16/KCN	Đề tài cấp Cơ sở	Thiết bị tự động kiểm soát điều khiển độ ẩm ứng dụng trong phòng nuôi đông trùng hạ thảo	Hoàng Thị Trang Đào Phương Tùng Nguyễn Cao Lâm Hoàng Đình Linh Bùi Thanh Long

Số TT	Số quyết định, ngày giao đề tài	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài
7	TR:2019-21/KCN	Đề tài cấp Cơ sở	Nghiên cứu thiết kế thi công mô hình led kỳ nghỉ	Nguyễn Thị Hiền Võ Thanh Tùng Lê Xuân Vịnh Nguyễn Đức Công Nguyễn Thanh Đạt Tống Hoàng Giang
8	TR:2019-03/KUS	Đề tài cấp Cơ sở	Thiết kế tủ sấy lạnh quy mô hộ gia đình	Nguyễn Thị Ngân Trần Thanh Đại Trần Văn Khánh Nguyễn Ngọc Oanh Phạm Quốc Thuận Nguyễn Hữu Thành Hà Nguyễn Điện Phương Đặng Hoàng Thiên Ân
9	TR:2019-05/QT	Đề tài cấp Cơ sở	Khai thác những giá trị của của làng gốm bầu trúc và làng dệt mỹ nghiệp tại huyện ninh phước - ninh thuận trong du lịch	Nguyễn Hoài Nhân

Số TT	Số quyết định, ngày giao đề tài	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài
10	TR:2020-06/KCN	Đề tài cấp Cơ sở	Nghiên cứu, thiết kế và mô phỏng dây chuyền sản xuất thuốc lá tự động dùng WinCC và PLC	Nguyễn Thị Hiền Vũ Hoàng Nghiên (GV)
11	TR:2020-17/KCN	Đề tài cấp Cơ sở	Thiết kế và chế tạo Robot thu gom rác trên sông	Nguyễn Văn Sang (CTM) Tống Minh Chiến (SV) Thái Quang Đức (SV) Đỗ Văn Dũng (SV) Nguyễn Văn Quyết (SV) Đặng Hữu Trường (SV)
12	TR:2020-18/KCN	Đề tài cấp Cơ sở	Ứng dụng scan 3D trong thiết kế ngược	Trần Duy Nam
13	TR:2020-02/KTQT	Đề tài cấp Cơ sở	Xây dựng thương hiệu sản phẩm gỗ tái chế mang thông điệp xanh của SADACO	Trần Thị Minh Ngọc Đinh Minh Vũ (SV) Nguyễn Vũ Thảo Vy (SV) Lê Thanh Tùng (SV)
14	TR:2020-	Đề tài cấp Cơ sở	Khai thác những giá trị của làng gốm Bàu Trúc và làng	Nguyễn Hoài Nhân

Số TT	Số quyết định, ngày giao đề tài	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài
	07/KTQT		dệt Mỹ Nghiệp tại huyện Ninh Phước - Ninh Thuận trong hoạt động du lịch	Bùi Tấn Kiệt (SV) Trần Thị Ngọc Quyên (SV) Nguyễn Lê Hiếu Trung (SV)

2.3.2. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo:

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Phạm Thị Mộng Hằng, 2019, Sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo - khác biệt giữa công lập và ngoài công lập. Trường hợp nghiên cứu ở tỉnh Đồng Nai, Tạp chí Công Thương.	
2	Trần Thị Mỹ Xuân, 2019, Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm của khách hàng tại Siêu thị Co-op Mart trên địa bàn TP.HCM Kỹ yếu HNKHSV3.	
3	Huỳnh Tấn Nguyên, 2019, Bảo tồn các giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững vùng Tây Nguyên “Hội thảo cấp trường”.	
4	Hoàng Lê Quang Nhật, Ứng dụng E-Learning trong đào tạo tại Đại học Công nghệ Đồng Nai: Kinh nghiệm và giải pháp triển khai Hội thảo cấp trường.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
5	Trần Thị Phương Thu, 2019, Thái độ của sinh viên trường ĐHCN ĐN đối với việc sử dụng Facebook như một công cụ hỗ trợ học E-learning môn tiếng Anh, Hội thảo cấp trường.	
6	Nguyễn Quốc Cường, 2020, Development of startup ecosystem in Vietnam in the context of the Fourth Industrial revolution, Tạp chí International Journal of Advance Smart Convergence.	
7	Bùi Thị Yên, 2020, Chiến lược marketing số (Digital Marketing) phát triển du lịch sinh thái tại tỉnh Đồng Nai Hội thảo cấp quốc gia.	
8	Phạm Thị Mộng Hằng, 2020, Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ các ngân hàng thương mại trong nước trên địa bàn thành phố Biên Hòa , Tạp chí Công thương.	
9	Trần Thu Hương, 2020, Xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù cho phát triển du lịch Đồng Nai, Tạp chí Công thương.	
10	Trần Thu Hương, 2020, Liên kết làng nghề truyền thống cho phát triển du lịch sinh thái vùng Đông Nam Bộ, Hội thảo cấp quốc gia.	
11	Trần Thu Hương, 2020, Xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù cho phát triển du lịch Đồng Nai, Tạp chí Công thương.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
12	Cao Thị Thắm, 2021, Định hướng phát triển làng nghề truyền thống kẹo dừa đáp ứng nhu cầu du lịch tỉnh Bến Tre, Hội thảo cấp trường.	
13	Trần Thu Hương, 2021, Bảo tồn các di sản văn hóa cho phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ, Hội thảo trong nước có chỉ số.	
14	Trần Thu Hương, 2021, Liên kết làng nghề thủ công truyền thống nhằm khai thác lợi thế đặc thù vùng Tây Nguyên, Hội thảo cấp quốc gia	
15	Nguyễn Thị Minh Thương, 2022, “Nghiên cứu sự hài lòng của du khách với sản phẩm du lịch thành phố Đà Lạt” Hội thảo Quốc tế TED – 2021.	
16	Đào Thiên Linh Thảo, 2023, điểm nhấn văn hóa nhật bản qua manga và anime, tạp chí giáo dục và xã hội.	
17	Nguyễn Thành Đăng Khoa, 2023, Vận dụng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam vào giảng dạy chuyên ngành Đông Phương học, trường Đại học Công nghệ Đồng Nai “Phát huy giá trị văn hóa các dân tộc trong giảng dạy ngôn ngữ tại các trường đại học ở Việt Nam hiện nay”	

2.4. Hợp tác quốc tế:

2.4.1. Hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường:

Về hợp tác quốc tế: Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường hướng đến mục tiêu phát triển Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai trở thành trường đại học nghiên cứu, có uy tín quốc tế, và phát triển bền vững. Trường duy trì hợp tác với các trường đại học uy tín trên thế giới thông qua các chương trình trao đổi ngắn hạn (chương trình thực tập, chương trình trao đổi văn hoá, chương trình nghiên cứu ngắn hạn...) và những chương trình khoa học công nghệ có sự tham gia của các nhà khoa học danh tiếng trên thế giới. Chương trình hợp tác quốc tế được xây dựng trên tinh thần tạo ra giá trị cốt lõi trong đào tạo, cung cấp cho người học những trải nghiệm có giá trị, tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo cơ hội cho sinh viên trở thành những “công dân toàn cầu”, sống và làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, xác lập được vị trí trên thị trường lao động quốc tế. Một số hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật của Nhà trường như: chương trình đưa sinh viên đi trao đổi tại Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản; chương trình tiếp đón sinh viên quốc tế và trao đổi văn hoá.

2.4.2. Hoạt động của Khoa Truyền thông và Thiết kế:

Theo chiến lược phát triển của của Khoa Truyền thông và Thiết kế tăng quy mô trao đổi sinh viên Inbound và outbound. Theo dự kiến hàng năm Khoa sẽ có số lượng trao đổi trên 30 sinh viên. Theo kế hoạch, Khoa sẽ triển khai kế hoạch ký MOU với các đối tác nước ngoài trong vấn đề đào tạo và chuyển giao. Nhiều giảng viên trong khoa đã có cơ hội kết nối với các trường đại học nước ngoài, đây là cơ hội hợp tác trao đổi để tăng cường hợp tác và trao đổi giảng viên và sinh viên, qua đó thúc đẩy mối quan hệ để nâng cao chất lượng đào tạo, ...

Khoa Khoa Truyền thông và Thiết kế sẽ có nhiều chương trình liên kết quốc tế về đào tạo và luân chuyển campus. Theo dự kiến các ngành như Truyền thông đa phương tiện và Thiết kế đồ họa sẽ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong đó, chú trọng hợp tác với các đối tác nước ngoài như 2+2, 3+3 ra trường được nhận bằng cử nhân và thạc sĩ.

Nhà trường và Khoa Truyền thông và Thiết kế sẽ có kế hoạch hợp tác toàn diện về đào tạo và nghiên cứu với Trường Đại học Ishou (Đài Loan), Đại học Ming Chi (Đài Loan), Đại học Mỹ thuật và Thiết kế Hale (Cộng hòa Liên Bang Đức) và các trường đại học tại Hà Lan, Cộng hòa Séc, USJ Macao, ... để triển khai theo kế hoạch hợp tác đào tạo. Theo

mục tiêu của khoa, trung bình có 05 lượt giáo sư, chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực truyền thông và thiết kế có uy tín đến làm việc và giảng dạy cho sinh viên: tham gia giảng dạy trực tuyến, tổ chức workshop, talkshow, triển lãm, hội chợ sáng tạo.

Với mục tiêu lấy công tác đào tạo làm trọng tâm, xây dựng hợp tác quốc tế làm động lực để phát triển, là yếu tố quan trọng để thúc đẩy hoạt động đào tạo của khoa ngày càng phát triển và đóng góp cho chiến lược phát triển của Đại học CNĐN.

2.5. Hợp tác doanh nghiệp:

Đến tháng 11 năm 2023, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai đã duy trì và triển khai hoạt động kết nối doanh nghiệp trong các hoạt động đào tạo, đồng thời mời các doanh nghiệp tham gia phỏng vấn kiểm định các chương trình đào tạo. Trong năm học 2022 – 2023 đảm bảo 100% cho tất các sinh viên đi kiến tập, thực tập đáp ứng đúng tiến độ đào tạo của Nhà trường. Nhà trường hợp tác với hơn 600 doanh nghiệp, tổ chức các buổi tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm và hướng nghiệp với khách mời là những doanh nhân thành công, phối hợp với doanh nghiệp huấn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên tham gia. Từ năm học 2018 -2019, Nhà trường đã thí điểm tăng cường thêm thời gian thực tập thực tế ngoài doanh nghiệp chưa tính thời gian thực tập cuối khóa cụ thể: khối ngành Công nghệ tăng thêm 3 tháng; khối ngành Kinh tế, Quản trị tăng thêm 2 tháng, giúp người học tìm hiểu sâu hơn về ngành nghề đang theo học, tích lũy các kinh nghiệm và kiến thức thực tế, để sau khi tốt nghiệp cơ hội có việc làm cao hơn. Năm học 2022-2023, Nhà trường đã phối hợp cùng doanh nghiệp tổ chức 46 hội thảo cơ hội việc làm, nhận được 206.000.000 VNĐ tài trợ từ phía doanh nghiệp một phần đó trích ra làm quỹ học bổng cho sinh viên còn lại để tổ chức các hoạt động hỗ trợ sinh viên, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là 95% (đợt khảo sát tháng 11/2022). Ngoài việc duy trì kết nối với các doanh nghiệp đã có, còn mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam lớn nhằm nâng cao chất lượng cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường trong tương lai.

Khoa Truyền thông và Thiết kế sẽ triển khai ký kết hợp tác MOU với các công ty, doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực Thiết kế, Truyền thông, Quảng cáo, Hoạt hình và Truyền hình. Đây là những địa chỉ tin cậy để sinh viên có cơ hội tham quan, tập sự nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế:

Bảng 7. Danh sách các cơ sở thực hành, thực tập ngoài Trường

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ công ty	Lĩnh vực hoạt động
1	Công ty TNHH Thiết kế đầu tư và xây dựng Đại Nam Việt	Số 88, Lê Bình, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thiết kế và xây dựng
2	Công ty CPTM&DV Đất Mới - ALC	Lô B2, Đường C2, KCN Cát Lái, Cụm 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh, tư vấn và thi công
3	Công ty TNHH KL Décor	141 Lê Văn Lương, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Tư vấn và thiết kế
4	Công ty TNHH UMA furniture - Baya	1417-1419-1421 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Thiết kế thiết bị nội thất
5	Công ty TNHH K.I.S.S Wedding & Event	22/28 Yên Thế, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Tổ chức sự kiện
6	Công ty CP Gạch ốp lát Viglacera	433 Cộng Hoà, Phường 15, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thiết kế và sản xuất
7	Công ty TNHH Golden Communication Group	28 Đường Phùng Khắc Khoan, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Truyền thông
8	Công ty TNHH Mạnh Tường Media	154/8A Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất truyền thông

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ công ty	Lĩnh vực hoạt động
9	Cty TNHH Truyền Thông Utopia	1134/12, Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất truyền thông
10	Công ty CP công nghệ thông tin viễn thông Thạch Anh	Tầng 9, Tòa nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Công nghệ viễn thông
11	Công ty TNHH Đông Nam Promotion	Lầu 6 - Cao ốc Hoàng Việt, 34 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. HCM	Sản xuất truyền thông
12	Công ty Golden Communication	28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM	Sản xuất truyền thông
13	Công ty TNHH truyền thông đa phương tiện Tiện Ngộ	174/5/7 Thái Phiên, Phường 8, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - ĐT: 028.66821888; 028.66821666	Sản xuất truyền thông
14	Công ty TNHH Túi giấy ZÓT	189A Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	In ấn sản xuất bao bì
15	Công Ty TNHH TMDV và Quảng Cáo Oanh Trần	356 Tạ Quang Bửu, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	Quảng cáo tổ chức sự kiện

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ công ty	Lĩnh vực hoạt động
16	Công ty TNHH Á Châu (STARSEED AGENCY)	Tòa nhà Robot, Tầng 11 308-308C Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	Quảng cáo tổ chức sự kiện và in ấn bao bì
17	Công ty TNHH Universe Media	600 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất truyền thông
18	Công ty CP Sphacy	Số 5A, đường D4, phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất truyền thông
19	Công ty TNHH Vang Vọng Trống Châu	131/9 Đường số 10, Phường 13, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	Quảng cáo và tổ chức sự kiện
20	Công ty TNHH TM DV SX Tuấn Đạt	C10 28 Nguyễn Văn Linh, Áp 5A, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Quảng cáo và tổ chức sự kiện
21	Cty TNHH TM DV Quảng Cáo Đa Năng	30 Trần Tấn, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Quảng cáo và tổ chức sự kiện
22	Công ty TNHH Mỹ Thuật Trà Quế	255/2 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	Quảng cáo và tổ chức sự kiện
23	Công ty TNHH Tư Vấn Kế Toán Hoàng Gia	16 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	Tư vấn thiết kế

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ công ty	Lĩnh vực hoạt động
24	Công ty TNHH Tree Communications	Lầu 8, tòa nhà VIPD, 4 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh 028 3911 8500	Quảng cáo và tổ chức sự kiện
25	Công ty TNHH Melody Productionworkx	B8/255E ấp 2, xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Thiết kế và sản xuất sản phẩm truyền thông
26	Công ty TNHH Mỹ nghệ Cát Đăng	151 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thiết kế và sản xuất sản phẩm mỹ nghệ
27	Công ty Sciencebox Vina	37 (R4-19), Đường số 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Thiết kế sản xuất và dịch vụ thiết bị đồ dùng dạy học
28	Công ty TNHH nhựa kỹ thuật Sakura	23 đường số 12, Phường Linh Tây, Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất nhựa
29	Công ty TNHH Wee Digital Company	B20 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh 091 859 89 58	Thiết kế và sản xuất sản phẩm truyền thông
30	Công ty TNHH Spring production	4.02, Level 4, 60A Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Thiết kế và sản xuất sản phẩm truyền thông

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ công ty	Lĩnh vực hoạt động
31	Công ty TNHH Truyền thông và Quảng cáo MV Media	H2 Đường D2, Khu phố 2, Phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Truyền thông, quảng cáo và tổ chức sự kiện
32	Công ty TNHH Digital Works Vietnam	59 Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất, thiết kế, giải trí

Phần 3. Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở:

Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được thiết kế giảng dạy cho sinh viên đại học chính quy, với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 126 tín chỉ (22 tín chỉ không tích lũy trong chương trình đào tạo) trong thời gian 4 năm. Chương trình đã được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo các quy định.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 126 tín chỉ (22 tín chỉ không tích lũy trong chương trình đào tạo)
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 05 năm đầu:

Năm thứ	1 (2024)	2 (2025)	3 (2026)	4 (2027)	5 (2028)
Dự kiến số lượng sinh viên tuyển sinh trong 5 năm liền kề	100	120	140	160	180

- Điều kiện tốt nghiệp:
 - + Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chuẩn đầu ra của ngành học;
 - + Đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - + Hoàn tất các môn học và tích lũy đủ số tín chỉ được quy định trong Chương trình đào tạo.
- Điều kiện tuyển sinh:

- + Phương thức tuyển sinh 1: Xét tuyển theo điểm thi trung học phổ thông (THPT)
- + Phương thức tuyển sinh 2: Xét học bạ lớp 11 và học kỳ (HK) 1 lớp 12
- + Phương thức tuyển sinh 3: Xét học bạ lớp 12
- Đối tượng:
 - + Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.
 - + Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật.
- Điều kiện dự tuyển:
 - + Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định
 - + Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
 - + Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
 - + Đối với thí sinh khuyết tật, bị suy giảm khả năng học tập, Nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.
 - + Đối tượng ưu tiên và tuyển thẳng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).
- Tổ hợp môn xét tuyển:
 - + A01: Toán, Vật lý, Anh
 - + C00: Văn, Lịch sử, Địa lý
 - + D01: Toán, Văn, Anh
 - + D66: Văn, GDCD, Anh

Phần 4. Giải pháp và lộ trình thực hiện:

Xây dựng đề án: để thực hiện xây dựng chương trình đào tạo, Khoa Truyền thông và Thiết kế đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo hoàn thiện trong trong tháng 1/2024 và trình Hội đồng thẩm định, Hội đồng khoa học và Ban giám hiệu thông qua và ký quyết định mở ngành đào tạo Truyền thông đa phương tiện trong năm 2024.

4.1. Chương trình đào tạo:

4.1.1 Xây dựng CTĐT:

Chương trình đào tạo gồm 126 tín chỉ (22 tín chỉ không tích lũy trong chương trình đào tạo), bao gồm khối kiến thức đại cương là 45 tín chỉ (22 tín chỉ không tích lũy trong chương trình đào tạo), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 81 tín chỉ, Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp 12 tín chỉ, đào tạo trong vòng 4 năm. Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện, trình độ đại học được xây dựng căn cứ theo:

- Luật Giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật Giáo dục sửa đổi số 34/2018/QH14;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Trong quá trình xây dựng, Chương trình đào tạo được tham khảo các chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước: ngành Truyền thông của Trường Đại học Boston, ngành Quảng cáo và Quan hệ công chúng của Trường Đại học Barry, Ngành Công Quảng cáo - Marketing, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, ngành Quảng cáo, Đại học Kinh tế tài chính, ngành Truyền thông đa phương tiện Đại học Văn Hiến, Ngành Truyền thông đa phương tiện Đại học HUTECH, ngành Công nghệ truyền thông Đại học Văn Lang.

(Bảng phân tích đối sánh được kèm theo).

4.1.2. Thẩm định CTĐT:

Chương trình đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2023.

4.1.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

4.1.3.1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu của Chương trình đào tạo cử nhân Truyền thông đa phương tiện cung cấp cho người học nắm vững cấu trúc cốt lõi về lý thuyết truyền thông, ngôn ngữ truyền thông, lý luận chính trị, thiết bị truyền thông, thành thạo kỹ năng và kiến thức công nghệ, ứng dụng trí tuệ AI trong sáng tạo, sản xuất chương trình truyền thông và chiến dịch quảng cáo thương hiệu. Chương trình đào tạo được kết hợp lý thuyết, thực hành, tư duy quản lý sản xuất và xây dựng dự án. Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình này sẽ có kiến thức và công cụ để tham gia vào các dự án: sáng tạo chiến dịch truyền thông và quảng cáo; thiết kế và xây dựng chương trình tổ chức sự kiện; xây dựng, sản xuất chương trình và thương hiệu cho các doanh nghiệp, xây dựng các chương trình truyền thông trực tuyến trên nền tảng xã hội, ... Qua đó thúc đẩy tinh thần học tập suốt đời và làm việc trong môi trường đa văn hóa.

4.1.3.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu cụ thể (POs)	Nội dung
PO1	Người học có khả năng trở thành lãnh đạo, chuyên gia tại các doanh nghiệp/tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước về lĩnh vực báo chí, truyền thông, ngôn ngữ truyền thông và các lĩnh vực có liên quan.
PO2	Người học đạt được các kỹ năng xây dựng dự án, kỹ năng thiết bị và phương tiện về phần mềm, công cụ AI truyền thông, có khả năng đề xuất các ý tưởng, có tư duy hệ thống để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực sản xuất chương trình, sản phẩm truyền thông đa phương tiện và các lĩnh vực có liên quan trong bối cảnh toàn cầu hóa.
PO3	Người học có ý thức học tập suốt đời, có tác phong và thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường báo chí và truyền thông, có ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

- Trình độ tin học: Chứng chỉ MOS 700 quốc tế về 03 nội dung:

+ Microsoft Office Word;

+ Microsoft Office Excel;

+ Microsoft Office PowerPoint.

- Trình độ ngoại ngữ: có một trong các chứng chỉ sau:

+ Chứng chỉ B1 và các chứng chỉ khác được quy đổi tương đương.

4.1.4. Chuẩn đầu ra của CTĐT:

Bảng 8. Chuẩn đầu ra (PLO)

Kiến thức	
<p>PLO 1: Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị và pháp luật trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện các công việc phát triển ngành Truyền thông đa phương tiện.</p>	<p>PI 1.1: Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, hệ thống lý thuyết và ngôn ngữ báo chí và truyền thông để phát triển chương trình, dự án về truyền thông.</p> <p>PI 1.2: Vận dụng kiến logic khoa học tự nhiên để xây dựng các mô hình tính toán trong xây dựng dự án truyền thông.</p> <p>PI 1.3. Vận dụng kiến thức chính trị và pháp luật trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn.</p>
<p>PLO 2: Phân tích các yếu tố liên quan trong truyền thông, quảng cáo và tiếp thị, lập chiến lược, trình bày bằng lời nói và văn bản trước các bên liên quan để xây dựng chiến lược phát triển mục tiêu truyền thông.</p>	<p>PI 2.1: Phân tích mối quan hệ các quy trình, phương pháp trong truyền thông, quảng cáo và tiếp thị để đạt được mục tiêu trong xây dựng chiến lược.</p> <p>PI 2.2: Phân tích kiến thức trình bày, soạn thảo các chiến dịch truyền thông một cách thành thạo để đạt được mục tiêu đề ra.</p>
<p>PLO 3: Vận dụng các kiến thức phần mềm thiết kế, kỹ thuật chụp, quay và biên tập, ứng dụng AI trong sản xuất và sáng tạo nội dung chương trình truyền thông.</p>	<p>PI 3.1: Vận dụng thành thạo các phần mềm đồ họa, dựng phim, các ứng dụng AI trong xử lý kịch bản, hình ảnh và âm thanh để sản xuất các chương trình truyền thông có hiệu quả.</p> <p>PI 3.2: Vận dụng kiến thức chụp, ghi hình một cách nghệ thuật để thực hiện các dự án sản xuất chương trình truyền thông hiệu quả.</p>
<p>PLO 4: Sáng tạo và xây dựng các chiến lược truyền thông thông qua các dự án thực tiễn: nội dung và hình thức mang giá trị mới cho thương hiệu.</p>	<p>PI 4.1: Sáng tạo nội dung các chiến dịch truyền thông gắn liền với các dự án phát triển thương hiệu cụ thể, góp phần quảng bá và phát triển thương hiệu.</p>

	PI 4.2: Sáng tạo hình thức các sản phẩm truyền thông có giá trị ứng dụng và thẩm mỹ cao
Kỹ năng	
PLO 5: Vận dụng thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm và tư duy phản biện để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.	<p>PI 5.1: Vận dụng các kỹ năng ngoại ngữ một cách thành thạo để giao tiếp, nghiên cứu tài liệu trong hoạt động truyền thông.</p> <p>PI 5.2: Vận dụng các kỹ năng và kiến thức tin học cơ bản trong xử lý các công việc chuyên môn về truyền thông và quảng cáo.</p> <p>PI 5.3. Vận dụng thành thạo kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm và tư duy phản biện để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.</p>
PLO 6: Vận dụng, xử lý khủng hoảng trong truyền thông và quảng cáo để giải quyết các vấn đề liên quan.	<p>PI 6.1: Vận dụng các kiến thức báo chí, truyền thông, nghệ thuật, marketing để giải quyết các khủng hoảng truyền thông trong thực tiễn.</p> <p>PI 6.2: Vận dụng các kiến thức và phân tích bản chất của truyền thông trong thời đại số để giải quyết các vấn đề đối mặt trong giải quyết khủng hoảng.</p>
PLO 7: Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nắm vững các công cụ phần mềm để triển khai trong quá trình sản xuất chương trình truyền thông đa phương tiện.	<p>PI 7.1: Vận dụng thành thạo kỹ năng quay, chụp để đạt được sự chuẩn mực trong khai thác và lấy tư liệu thực tế.</p> <p>PI 7.2: Vận dụng các kỹ năng và công cụ của phần mềm, AI trong xử lý và biên tập sản xuất chương trình.</p>
PLO 8: Đánh giá các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện, tính độc lập, tương tác và xử lý các tình huống một cách linh hoạt và sáng tạo.	<p>PI 8.1: Đánh giá kỹ năng tương tác và xây dựng tính độc lập trong giải quyết vấn đề liên quan.</p> <p>PI 8.2: Đánh giá tính phản biện cao khi nhận thức hoặc chứng kiến các vấn đề của thực tế.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

<p>PLO 9: Tuân thủ các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; hình thành ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.</p>	<p>PI 9.1: Thể hiện ý thức tinh thần độc lập trong sáng tạo và phát triển chiến dịch truyền thông trên tinh thần tuân thủ Luật sở hữu trí tuệ.</p> <p>PI 9.2: Thể hiện kiến thức, kỹ năng chuyên môn thông qua tự học và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.</p>
---	--

4.1.5. Chương trình đào tạo:

4.1.5.1. Khái quát chương trình đào tạo:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 45 tín chỉ (22 tín chỉ không tích lũy trong chương trình đào tạo);
- + Lý luận chính trị và pháp luật: 13 tín chỉ;
- + Khoa học xã hội và tự nhiên: 6 tín chỉ;
- + Ngoại ngữ: 16 tín chỉ;
- + Nhóm kiến thức ngoại ngữ tăng cường đầu vào: 11 tín chỉ (không tích lũy trong chương trình);
- + Kỹ năng mềm, đạo đức nghề nghiệp: 06 tín chỉ;
- + Tin học: 04 tín chỉ;
- + Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ (không tích lũy trong chương trình);
- + Giáo dục quốc phòng: 08 tín chỉ (không tích lũy trong chương trình);
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 81 tín chỉ;
- + Kiến thức cơ sở khối ngành: 12 tín chỉ;
- + Kiến thức cơ sở ngành: 20 tín chỉ;
- + Kiến thức ngành: 18 tín chỉ;
- + Kiến thức chuyên ngành hẹp: 31 tín chỉ;

4.1.5.2. Danh mục các học phần/môn học trong Chương trình đào tạo:

Bảng 9. Danh mục các học phần/môn học trong Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			45									
I.1	Kiến thức chính trị, pháp luật			13									
1	CB70101	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	03	45	45	00	00	00	BB	Không	Không	Không
2	CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
3	CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
4	CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/ TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
5	CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
6	CB70106	Pháp luật đại cương	Introduction of Laws	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
I.2	Kiến thức toán và khoa học tự nhiên			02									
7	CB70205	Thống kê ứng dụng	Applied Statistics	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
I.3	Kiến thức khoa học xã hội			04									
8	CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	Environment and sustainable development	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
9	CB71102	Tâm lý học hành vi	Behavioral psychology	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
I.4	Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ			16									
I.4.1	Nhóm kiến thức ngoại ngữ bắt buộc và tích lũy			16									

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
10	CB70305	Intensive English 1	Intensive English 1	04	60	60	00	00	00	BB	Không	Không	Không
11	CB70306	Intensive English 2	Intensive English 2	04	60	60	00	00	00	BB	Không	Không	CB70305
12	CB70307	Intensive English 3	Intensive English 3	04	60	60	00	00	00	BB	CB70305	Không	CB70306
13	CB70308	Intensive English 4	Intensive English 4	04	60	60	00	00	00	BB	CB70306	Không	CB70307
I.4.2	Nhóm kiến thức ngoại ngữ tăng cường đầu vào - không tích lũy trong chương trình			11									
14	CB70301	Key English 1 (**)	Key English 1	03	45	45	00	00	00	BB	Không	Không	Không
15	CB70302	Key English 2 (**)	Key English 2	03	45	45	00	00	00	BB	Không	Không	Không
16	CB70303	Key English 3 (**)	Key English 3	03	45	45	00	00	00	BB	Không	Không	Không

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
17	CB70304	English Speaking Community (**)	English Speaking Community	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
I.5	Kiến thức và kỹ năng công nghệ thông tin			04									
18	CB70301	Tin học ứng dụng I	Fundamentals of Informatics I	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
19	CB70302	Tin học ứng dụng II	Fundamentals of Informatics II	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	CB70301
I.6	Kỹ năng mềm, đạo đức nghề nghiệp			06									
20	CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	Communication skills and relationship building	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
21	CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	Emotional management skills	01	15	15	00	00	00	BB	Không	Không	Không

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
22	CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	Public speaking skills	01	15	15	00	00	00	BB	Không	Không	Không
23	CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	Negotiation and bargaining skills	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
I.8	Giáo dục thể chất (Môn bơi lội bắt buộc, còn lại các môn tự chọn - Không tích lũy trong chương trình)			03									
24	CB71401	Giáo dục thể chất I (Bơi lội)	Physical Education I	01	30	00	30	00	00	BB	Không	Không	Không
25	CB71402	Giáo dục thể chất II (Bóng đá)	Physical Education II	01	30	00	30	00	00	BB	Không	Không	Không
26	CB71403	Giáo dục thể chất II (Bóng chày)	Physical Education II	01	30	00	30	00	00	BB	Không	Không	Không

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/ TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
27	CB71404	Giáo dục thể chất II (Cầu lông)	Physical Education II	01	30	00	30	00	00	BB	Không	Không	Không
28	CB71405	Giáo dục thể chất III (Fitness)	Physical Education III	01	30	00	30	00	00	BB	Không	Không	Không
29	CB71406	Giáo dục thể chất III (Dancesport)	Physical Education III	01	30	00	30	00	00	BB	Không	Không	Không
30	CB71407	Giáo dục thể chất III (Bóng rổ)	Physical Education III	01	30	00	30	00	00	BB	Không	Không	Không
31	CB71408	Giáo dục thể chất III (Võ thuật)	Physical Education III	01	30	00	30	00	00	BB	Không	Không	Không
I.9	Giáo dục quốc phòng (Không tích lũy trong chương trình)			08									

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
32	CB70401	Giáo dục quốc phòng - An ninh 1	National Defense Education - 1rd Course	03	60	30	30	00	00	TC	Không	Không	Không
33	CB70402	Giáo dục quốc phòng - An ninh 2	National Defense Education - 2rd Course	02	45	15	30	00	00	TC	Không	Không	Không
34	CB70403	Giáo dục quốc phòng - An ninh 3	National Defense Education - 3rd Course	01	30	00	30	00	00	TC	Không	Không	Không
35	CB70404	Giáo dục quốc phòng - An ninh 4	National Defense Education - 4rd Course	02	60	04	56	00	00	BB	Không	Không	Không
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			81									
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành			12									
36	TT70101	Ứng dụng AI trong truyền thông	Application of AI in media	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/ TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
37	TT70102	Lý thuyết truyền thông	Communication theory	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
38	TT70103	Ngôn ngữ truyền thông	Communication language	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
39	TT70104	Quản trị học	Management	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
40	TT70105	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	Introduction to Multimedia Communication	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
41	TT70106	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	Foundations of Journalism and Communication Theory	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
II.2	Kiến thức cơ sở ngành			20									
42	TT70107	Thực hành phần mềm ứng dụng I	Application software I	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
43	TT70108	Thực hành phần mềm ứng dụng II	Application software II	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
44	TT70109	Truyền thông: Lý thuyết, mô hình và kỹ năng	Communication: Theories Models and Skills	02	45	15	30	00	00	BB	TT70102	Không	TT70106
45	TT70111	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	Multimedia graphics applications	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	TT70108
46	TT70112	Nguyên lý thiết kế Website I	Web design principles I	02	45	15	30	00	00	BB	TT70107	Không	Không
47	TT70113	Kỹ thuật quay phim và biên tập video	Cinematography and video editing techniques	02	60	00	60	00	00	BB	Không	Không	Không
48	TT70114	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Digital photography	02	60	00	60	00	00	BB	Không	Không	Không
49	TT70115	Nguyên lý thiết kế Website II	Web design principles II	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	TT70112

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
50	TT70116	Tâm lý quảng cáo truyền thông	Psychology of media advertising	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
51	TT70117	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng	Advertising and sales promotion	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
II.3	Kiến thức ngành (chung)			18									
52	TT70118	Viết và biên tập trong báo chí	Writing and editing for journalism	03	75	15	60	00	00	BB	TT70106	Không	Không
53	TT70119	Truyền thông quốc tế	Global Media	03	75	15	60	00	00	BB	TT70106	Không	Không
54	TT70120	Tổ chức và quản lý sự kiện	Event Management	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	Không
55	TT70121	Kỹ thuật trường quay	Studio production	03	75	15	60	00	00	BB	TT70113	Không	Không

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
56	TT70122	Sản xuất chương trình truyền thông trên nền tảng số	Production of digital media programs	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	Không
57	TT70123	Nghề nghiệp đạo diễn	Director profession	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	Không
II.4	Kiến thức chuyên ngành hẹp (chọn 1 trong 2 hướng)			31									
II.4.1	Chuyên ngành hẹp 1 (Sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện)			31									
II.4.1.1	* Các môn bắt buộc			24									
58	TT70124	Thiết kế đồ họa cho quảng cáo xã hội và thương mại	Graphic production for social and commercial advertising	03	75	15	60	00	00	BB	TT70108	Không	Không
59	TT70125	Sản xuất quảng cáo TVC I	Advertisement film production I	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	TT70108

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
60	TT70126	Truyền thông số: Kịch bản và sản xuất	Digital media: concepts and production	03	75	15	60	00	00	BB	TT70108	Không	Không
61	TT70127	Sản xuất truyền thông số nâng cao	Advanced digital media production	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	TT70122
62	TT70128	Sản xuất quảng cáo TVC II	Advertisement film production II	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	TT70125
63	TT70129	Thực tập tốt nghiệp	Graduation intership	07	420	00	00	00	240	BB	TT70124 TT70125	Không	TT70126 TT70127 TT70128
64	TT70130	Đồ án tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	Graduation thesis	05	135	15	00	120	00	BB	TT70124 TT70125 TT70129	Không	TT70126 TT70127 TT70128
II.4.12	* Tự chọn			04									

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
65	TT71131	Truyền thông, thông tin bằng hình ảnh	Visual communication of information	02	45	15	30	00	00	TC	Không	Không	Không
66	TT71132	Quảng cáo thông minh	Internationnal advertising	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
67	TT71133	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng	Advertising and sales promotion	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
68	TT71134	Xây dựng kế hoạch tài khoản	Account planning	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
II.4.2	Chuyên ngành hẹp 2 (Quản trị truyền thông và quảng cáo)			28									
II.4.2.1	* Các môn bắt buộc			24									
69	TT70235	Quản lý sản xuất truyền thông số	Media Production Management	03	75	15	60	00	00	BB	TT70104	Không	Không

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
70	TT70236	Quản lý quảng cáo	Advertising management	03	75	15	60	00	00	BB	TT70104	Không	Không
71	TT70237	Lập kế hoạch và quản lý truyền thông	Media planning and management	03	75	15	60	00	00	BB	TT70104	Không	Không
72	TT70238	Quản lý giải trí và truyền thông	Managing entertainment and media	03	75	15	60	00	00	BB	TT70104	Không	Không
73	TT70239	Quản lý và xây dựng thương hiệu	Brand management and building	03	75	15	60	00	00	BB	TT70104	Không	Không
74	TT70240	Thực tập tốt nghiệp	Graduation intership	07	420	00	00	00	420	BB	TT70235 TT70236	Không	TT70237 TT70238 TT70239
75	TT70241	Đồ án tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	Graduation thesis	05	135	15	00	120	00	BB	TT70235 TT70236	Không	TT70237 TT70238

STT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết (LT/TH/TT)					BB/ TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Điều kiện HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
											TT70240		TT70239
II422	*Tự chọn			04									
76	TT71242	Quản lý doanh nghiệp quảng cáo	Advertising business management	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
77	TT71243	Nghiên cứu truyền thông	Media Research	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
78	TT71244	Quản lý dự án truyền thông	Media project management	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
79	TT71245	Quản lý và nghiên cứu phân tích dự án phim	Film project management and research analysis	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
TỔNG				126	3505	1249	1556	180	420				

4.1.6. Kế hoạch đào tạo dự kiến:

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
Kế hoạch giảng dạy HK 1														
1	1	CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	Environment and sustainable development	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
2	1	CB70301	Key English 1 (**)	Key English 1	03	45	45	00	00	00	BB	Không	Không	Không
3	1	CB70302	Key English 2 (**)	Key English 2	03	45	45	00	00	00	BB	Không	Không	Không
4	1	CB70303	Key English 3 (**)	Key English 3	03	45	45	00	00	00	BB	Không	Không	Không
5	1	CB70304	English Speaking Community (**)	English Speaking Community	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
6	1	CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	Public speaking skills	01	15	15	00	00	00	BB	Không	Không	Không

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
7	1	TT70105	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	Introduction to Multimedia Communication	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
Kế hoạch giảng dạy HK 2														
8	2	CB70101	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of marxism and leninism	03	45	45	00	00	00	BB	Không	Không	Không
9	2	CB70305	Intensive English 1	Intensive English 1	04	60	60	00	00	00	BB	Không	Không	Không
10	2	CB70301	Tin học ứng dụng I	Fundamentals of Informatics I	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
11	2	CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	Emotional management skills	01	15	15	00	00	00	BB	Không	Không	Không
12	2	TT70101	Ứng dụng AI trong truyền thông	Application of AI in media	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
13	2	TT70102	Lý thuyết truyền thông	Communication theory	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
14	2	TT70104	Quản trị học	Management	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
15	2	TT70107	Thực hành phần mềm ứng dụng I	Application software I	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
16	2	TT70113	Kỹ thuật quay phim và biên tập video	Cinematography and video editing techniques	02	60	00	60	00	00	BB	Không	Không	Không
17	2	TT70114	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Digital photography	02	60	00	60	00	00	BB	Không	Không	Không
Kế hoạch giảng dạy HK 3														
18	3	CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
19	3	CB70106	Pháp luật đại cương	Introduction of Laws	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
20	3	CB70205	Thống kê ứng dụng	Applied Statistics	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
21	3	CB71102	Tâm lý học hành vi	Behavioral psychology	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
22	3	CB70306	Intensive English 2	Intensive English 2	04	60	60	00	00	00	BB	Không	Không	CB70305
23	3	CB70302	Tin học ứng dụng II	Fundamentals of Informatics II	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	CB70301
24	3	CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng quan hệ	Communication skills and relationship building	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
25	3	CB71401	Giáo dục thể chất I (Bơi lội)	Physical Education I	01	30	00	30	00	00	BB	Không	Không	Không
26	3	CB71402	Giáo dục thể chất II (Bóng đá)	Physical Education II	01	30	00	30	00	00	TC	Không	Không	Không
27	3	CB71403	Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền)	Physical Education II	01	30	00	30	00	00	TC	Không	Không	Không

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
28	3	CB71404	Giáo dục thể chất II (Cầu lông)	Physical Education II	01	30	00	30	00	00	TC	Không	Không	Không
29	3	TT70106	Cơ sở lý luận báo chí và truyền thông	Foundations of Journalism and Communication Theory	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
30	3	TT70108	Thực hành phần mềm ứng dụng II	Application software II	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
Kế hoạch giảng dạy HK 4														
31	4	CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
32	4	CB70307	Intensive English 3	Intensive English 3	04	60	60	00	00	00	BB	CB70305	Không	CB70306
33	4	CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	Negotiation and bargaining skills	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
34	4	CB71405	Giáo dục thể chất III (Fitness)	Physical Education III	01	30	00	30	00	00	TC	Không	Không	Không
35	4	CB71406	Giáo dục thể chất III (Dancesport)	Physical Education III	01	30	00	30	00	00	TC	Không	Không	Không
36	4	CB71407	Giáo dục thể chất III (Bóng rổ)	Physical Education III	01	30	00	30	00	00	TC	Không	Không	Không
37	4	CB71408	Giáo dục thể chất III (Võ thuật)	Physical Education III	01	30	00	30	00	00	TC	Không	Không	Không
38	4	TT70103	Ngôn ngữ truyền thông	Communication language	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
39	4	TT70109	Truyền thông: Lý thuyết, mô hình và kỹ năng	Communication: Theories Models and Skills	02	45	15	30	00	00	BB	TT70102	Không	TT70106

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
40	4	TT70112	Nguyên lý thiết kế Website I	Web design principles I	02	45	15	30	00	00	BB	TT70107	Không	Không
41	4	TT70116	Tâm lý quảng cáo truyền thông	Psychology of media advertising	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
42	4	TT70117	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng	Advertising and sales promotion	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	Không
43	4	TT70118	Viết và biên tập trong báo chí	Writing and editing for journalism	03	75	15	60	00	00	BB	TT70106	Không	Không
Kế hoạch giảng dạy HK 5														
44	5	CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không
45	5	CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	02	30	30	00	00	00	BB	Không	Không	Không

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
46	5	CB70308	Intensive English 4	Intensive English 4	04	60	60	00	00	00	BB	CB70306	Không	CB70307
47	5	TT70111	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	Multimedia graphics applications	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	TT70108
48	5	TT70115	Nguyên lý thiết kế Website II	Web design principles II	02	45	15	30	00	00	BB	Không	Không	TT70112
49	5	TT70119	Truyền thông quốc tế	Global Media	03	75	15	60	00	00	BB	TT70106	Không	Không
50	5	TT70120	Tổ chức và quản lý sự kiện	Event Management	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	Không
51	5	TT70121	Kỹ thuật trường quay	Studio production	03	75	15	60	00	00	BB	TT70113	Không	Không
Kế hoạch giảng dạy HK 6														
52	6	TT70122	Sản xuất chương trình	Production of digital media programs	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	Không

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
			truyền thông trên nền tảng số											
53	6	TT70123	Nghiệp vụ đạo diễn	Director profession	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	Không
Chuyên ngành hẹp 1 (Sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện)														
54	6	TT70124	Thiết kế đồ họa cho quảng cáo xã hội và thương mại	Graphic production for social and commercial advertising	03	75	15	60	00	00	BB	TT70108	Không	Không
55	6	TT70125	Sản xuất quảng cáo TVC I	Advertisement film production I	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	TT70108
56	6	TT70126	Truyền thông số: Kịch bản và sản xuất	Digital media: concepts and production	03	75	15	60	00	00	BB	TT70108	Không	Không
57	6	TT70127	Sản xuất truyền thông số nâng cao	Advanced digital media production	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	TT70122

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
58	6	TT70128	Sản xuất quảng cáo TVC II	Advertisement film production II	03	75	15	60	00	00	BB	Không	Không	TT70125
Chuyên ngành hẹp 2 (Quản trị truyền thông và quảng cáo)														
59	6	TT70235	Quản lý sản xuất truyền thông số	Media Production Management	03	75	15	60	00	00	BB	TT70104	Không	Không
60	6	TT70236	Quản lý quảng cáo	Advertising management	03	75	15	60	00	00	BB	TT70104	Không	Không
61	6	TT70237	Lập kế hoạch và quản lý truyền thông	Media planning and management	03	75	15	60	00	00	BB	TT70104	Không	Không
62	6	TT70238	Quản lý giải trí và truyền thông	Managing entertainment and media	03	75	15	60	00	00	BB	TT70104	Không	Không
63	6	TT70239	Quản lý và xây dựng thương hiệu	Brand management and building	03	75	15	60	00	00	BB	TT70104	Không	Không

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
Kế hoạch giảng dạy HK 7														
64	7	TT70129	Thực tập tốt nghiệp	Graduation intership	07	420	00	00	00	420	BB	TT70124 TT70125	Không	TT70126 TT70127 TT70128
Các môn tự chọn Chuyên ngành hẹp 1 (Chọn 2 trên 4 môn)														
65	7	TT71131	Truyền thông, thông tin bằng hình ảnh	Visual communication of information	02	45	15	30	00	00	TC	Không	Không	Không
66	7	TT71132	Quảng cáo thông minh	Internationnal advertising	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
67	7	TT71133	Quảng cáo và xúc tiến bán hàng	Advertising and sales promotion	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
68	7	TT71134	Xây dựng kế hoạch tài khoản	Account planning	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
Các môn tự chọn Chuyên ngành hẹp 2 (Chọn 2 trên 4 môn)														

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
69	7	TT71242	Quản lý doanh nghiệp quảng cáo	Advertising business management	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
70	7	TT71243	Nghiên cứu truyền thông	Media Research	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
71	7	TT71244	Quản lý dự án truyền thông	Media project management	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
72	7	TT71245	Quản lý và nghiên cứu phân tích dự án phim	Film project management and research analysis	02	45	15	00	30	00	TC	Không	Không	Không
Kế hoạch giảng dạy HK 8														
Chuyên ngành hẹp 1														
73	8	TT70130	Đồ án tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	Graduation thesis	05	135	15	00	120	00	BB	TT70124 TT70125 TT70129	Không	TT70126 TT70127 TT70128
Chuyên ngành hẹp 2														

TT	Phân bộ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết/giờ					BB/TC	ĐK tiên quyết	Học phần SH	ĐK học trước
						Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
74	8	TT70241	Đồ án tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	Graduation thesis	05	135	15	00	120	00	BB	TT70235 TT70236 TT70240	Không	TT70237 TT70238 TT70239

4.2. Biên bản thông qua của Hội đồng Khoa học và đào tạo:

Đề án mở ngành Truyền thông đa phương tiện đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường thông qua (*Biên bản kèm theo tại phụ lục của đề án*).

4.3. Kế hoạch mua sắm trang thiết bị, giáo trình từ năm thứ 3 của chuyên ngành:

Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học như sau: Các khối lượng kiến thức đại cương và các môn cơ sở ngành sẽ sử dụng triển khai giảng dạy trên cơ sở đã được đầu tư chung của Nhà trường. Hệ thống các môn cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành sẽ được triển khai giảng dạy vào năm học 2025-2026 nên Nhà trường cam kết đầu tư bổ sung các thiết bị dạy học trong các studio, các phòng chuyên biệt xử lý hậu kỳ một cách riêng biệt và đúng chuẩn của ngành Truyền thông đa phương tiện.

Cơ sở vật chất và học liệu: Về học liệu, hiện nay các môn đại cương và cơ sở ngành đã đầy đủ phục vụ cho việc học và nghiên cứu cho sinh viên, riêng tài liệu ngành và chuyên ngành hẹp Khoa Truyền thông và Thiết kế, Thư viện Nhà trường sẽ có kế hoạch đầu tư mua sắm, bổ sung trong năm học 2025-2026. Về hệ thống máy tính có cấu hình cao, trang bị những phần mềm đồ họa, dựng phim, tạo hiệu ứng sẽ sử dụng cơ sở và thiết bị hiện nay dành cho khối Công nghệ thông tin để triển khai giảng dạy các môn ứng dụng phần mềm. Sau đó, Nhà trường sẽ có lộ trình trang bị phòng máy riêng biệt để phục vụ đào tạo cho ngành Truyền thông đa phương tiện trong năm học 2025-2026.

4.4. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo:

Khoa Truyền thông và Thiết kế và Nhà trường sẽ lên kế hoạch tuyển dụng giảng viên bổ sung các vị trí còn thiếu vào học kỳ 1 năm học 2024-2025 và sẽ tuyển đủ số lượng các vị trí đảm nhận giảng dạy trước học kỳ 1 năm học 2025-2026.

4.5. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo:

Sau khi có sinh viên tốt nghiệp khóa đầu tiên ngành Truyền thông đa phương tiện sẽ thực hiện đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo với các tổ chức kiểm định trong và ngoài nước.

Phần 5. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro:

- Kịch bản rủi ro:

- + Không tuyển sinh đủ số lượng sinh viên theo kế hoạch năm học.
- + Không tuyển đủ số lượng giảng viên phụ trách ngành đào tạo.
- + Ngành bị đình chỉ trong quá trình đào tạo.
- Biện pháp phòng ngừa rủi ro:
 - + Xây dựng và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Khoa Truyền thông và Thiết kế, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thông qua website, fanpage, trang mạng xã hội của Trường, Khoa.
 - + Xây dựng và thực hiện kế hoạch quảng bá tuyển sinh, chương trình tuyển sinh hàng năm.
 - + Ký biên bản ghi nhớ với các Trường THPT và thực hiện chương trình tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp cho học sinh.
 - + Xây dựng đội ngũ giảng viên có chất lượng, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động đào tạo, nâng cao uy tín của Khoa, Trường.
 - + Xây dựng các chính sách về học bổng, tuyển thẳng, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ sinh viên.
 - + Xây dựng các chính sách hỗ trợ sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp, tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế phục vụ cho chương trình đào tạo.
 - + Xây dựng chính sách tuyển dụng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và chế độ phúc lợi để thu hút giảng viên.
 - + Xây dựng các hoạt động ngoại khóa để định hướng cho sinh viên tham gia các phong trào và tiếp cận với thực tế.
 - + Xây dựng các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm để giải quyết các công việc chuyên ngành và cuộc sống thông qua các hoạt động trải nghiệm.
 - + Xây dựng tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời cho sinh viên thông qua các mô hình câu lạc bộ, trung tâm khởi nghiệp.
 - + Thực hiện đầy đủ các quy định về mở ngành đào tạo mới.
- Giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo:

Trong trường hợp ngành Truyền thông đa Phương tiện bị đình chỉ hoạt động, các giải pháp cụ thể để đảm bảo quyền lợi cho người học, giảng viên, cơ sở đào tạo và các bên liên quan như sau:

TT	Đối tượng	Giải pháp
1	Người học (sinh viên)	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án 1: Người học được bảo lưu kết quả học tập đến thời điểm ngành bị đình chỉ hoạt động và tiếp tục hoàn thành chương trình đào tạo sau khi ngành được Bộ GDĐT cho phép hoạt động ngành trở lại. - Phương án 2: Người học được xem xét chuyển ngành đào tạo (điều kiện trúng tuyển tương đương) theo quy định của Trường và Bộ GDĐT. - Phương án 3: Người học được xem xét tham gia các chương trình học quốc tế mà nhà trường đang liên kết đào tạo với nước ngoài.
2	Giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án 1: Sắp xếp Giảng viên tham gia giảng dạy các học phần phù hợp chuyên môn ở các ngành khác trong Trường. - Phương án 2: Sắp xếp công việc, thỏa thuận với Giảng viên theo quy định của Bộ luật lao động, thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động, ...
3	Cơ sở đào tạo và các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các nội dung chưa phù hợp, tiến hành phân tích, đánh giá và thực hiện các giải pháp (theo từng trường hợp) để được cho phép hoạt động ngành trở lại.

Phần 6. Đề nghị và cam kết thực hiện:

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Địa chỉ <https://dntu.edu.vn/>

Trang thông tin được thường xuyên cập nhật những thông tin hoạt động diễn ra trong trường. Trên đó: Nhà trường công bố các điều kiện đảm bảo chất lượng (theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017), kết quả kiểm định chất lượng giáo dục tại mục “Đảm bảo chất lượng”. Thông tin sinh viên tốt nghiệp có thể được tra cứu nhanh chóng, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp được khảo sát và công bố hằng năm; Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố cho sinh viên biết; mức học phí được công bố theo khóa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo:

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo và nhu cầu nhân lực ngành Truyền thông đa phương tiện, với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và cơ sở vật chất, đội ngũ quản lý, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học - mã ngành 7320104 kể từ năm 2024.

3. Cam kết triển khai thực hiện:

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai cam kết thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo trong quá trình triển khai đào tạo ngành Truyền thông đa Phương tiện.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 12 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Nguyễn Thúy Lan Chi

TS. Quách An Bình

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- HĐT (để báo cáo);
- BGH (để theo dõi và chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: P.ĐH, P.TCHC, Khoa TT & TK

Số: 707/QĐ-ĐHCNĐN

Đồng Nai, ngày 01 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công chủ trì ngành Truyền thông đa phương tiện
trình độ Đại học – mã số: 7320104

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật giáo dục đại học năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 16 tháng 06 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 01 tháng 09 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đại học và Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công TS. Phạm Thị Bích Hoa, chuyên môn: Kỹ thuật truyền thông, làm chủ trì ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ Đại học – mã số: 7320104.

Điều 2. TS. Phạm Thị Bích Hoa có nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và tham gia các hoạt động chuyên môn thuộc chương trình đào tạo được phân công chủ trì.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị, cá nhân có liên quan và TS. Phạm Thị Bích Hoa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: P. TC-HC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thúy Lan Chi